



TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCP
Địa chỉ: Tầng 20, Tòa nhà Mipec, 229 Tây Sơn – Quận Đống Đa – Hà Nội
Điện thoại: (043) 8641212 Fax: (043) 8642249
Website: www.pgas.petrolimex.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2012

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Tổng công ty Gas Petrokimex – CTCP.**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101447725
- Vốn điều lệ: 502.875.030.000 đồng
- Địa chỉ: Tầng 20, Tòa nhà Mipec, 229 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội
- Số điện thoại: (04)38 641 212, (04)38 642 243,
- Số fax: (04)38 642 249; (04)36 641 197
- Website: www.pgas.petrokimex.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): PGC

2. Quá trình hình thành và phát triển

▪ Việc thành lập :

Giai đoạn từ năm 1998 trở về trước, các Công ty xăng dầu trực thuộc Tổng công ty xăng dầu Việt Nam đều hoạt động kinh doanh Gas thông qua các Xí nghiệp Gas trực thuộc. Từ năm 1999 trở đi, nền kinh tế đất nước phát triển mạnh, nhu cầu sử dụng Gas trong công nghiệp và dân dụng tăng mạnh và trên thị trường đã hình thành ngành kinh doanh Gas độc lập với tốc độ tăng trưởng của thị trường khá cao; Trước tình hình đó, Tổng công ty xăng dầu Việt Nam đã quyết định tách bộ phận kinh doanh Gas thành đơn vị kinh doanh độc lập để chuyên doanh mặt hàng này nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh trong toàn công ty; theo đó ngày 25/12/1998, Bộ trưởng Bộ Thương Mại đã ký quyết định số 1653/QĐ-BTM thành lập Công ty Gas Petrokimex trực thuộc Tổng công ty xăng dầu Việt Nam. Công ty Gas là doanh nghiệp Nhà nước có tư cách pháp nhân, thực hiện hạch toán độc lập, có con dấu riêng, có tài khoản tiền Việt Nam và tài khoản ngoại tệ tại ngân hàng.

▪ Chuyển đổi sở hữu thành Công ty cổ phần:

Ngày 03/12/2003, Bộ trưởng Bộ Thương mại đã ký quyết định số 1669/2003/QĐ-BTM về việc chuyển Công ty Gas thành Công ty cổ phần Gas Petrokimex. Giấy phép kinh doanh số 0103003549 đăng ký lần đầu ngày 14/01/2004 do Sở kế hoạch đầu tư

Thành phố Hà Nội cấp với vốn điều lệ ban đầu là: 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn).

▪ **Niêm yết:**

Ngày 24/11/2006, Công ty cổ phần Gas Petrolimex chính thức niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm giao dịch chứng khoán TP HCM (Nay là Sở giao dịch chứng khoán TP HCM) theo quyết định số 65/GPNY-UBCK ngày 20/10/2006 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp, mã chứng khoán là PGC với 20.000.000 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần được niêm yết. Năm 2007, Công ty đã phát hành và niêm yết thành công 5.000.000 cổ phần tương ứng với 50 tỷ đồng mệnh giá cổ phiếu 10.000 đ/cổ phần. Năm 2009, Công ty đã phát hành tăng vốn và niêm yết thành công 1.499.823 cổ phần tương ứng với 14.998.230.000 đồng. Năm 2011, Công ty đã phát hành tăng vốn và niêm yết thành công 9,746,876 cổ phần tương ứng với 97,468,760,000 đồng. Tại thời điểm 31/12/2012 của Cty là 344.466.990.000 đồng.

▪ **Các sự kiện khác :**

Năm 2000-2001: Xây dựng hệ thống kho tồn chứa, cung cấp LPG với sức chứa của 02 bồn cầu: 1.000 tấn và hệ thống công nghệ nhà đóng bình Gas, hệ thống PCCC tự động với vốn đầu tư: 80 tỷ đồng tại kho gas Nhà Bè - Tổng kho xăng dầu Nhà Bè, TP HCM.

Năm 2001 -2002: Đầu tư mở rộng xây dựng hệ thống kho tồn chứa, cung cấp LPG với sức chứa 01 bồn cầu: 1.000 tấn và hệ thống công nghệ với vốn đầu tư: 23 tỷ đồng tại kho gas Nhà Bè - Tổng kho xăng dầu Nhà Bè, TP HCM.

Năm 2005: Tái cấu trúc các Chi nhánh Gas trực thuộc tại Hải Phòng, Đà Nẵng, Sài Gòn, Cần Thơ thành các Công ty TNHH một thành viên. Công ty góp vốn thành lập Công ty TNHH Taxi Gas Petrolimex (4 thành viên góp vốn) với vốn điều lệ 66 tỷ đồng và góp vốn vào Công ty TNHH cơ khí Gas PMG (2 thành viên góp vốn) với vốn điều lệ 22 tỷ đồng.

Năm 2006: Tiếp nhận bàn giao 9 Trạm chiết nạp Gas trực thuộc các Công ty xăng dầu: B12 Quảng Ninh, Phú Thọ, Hà Nam Ninh, Quảng Bình, Nghệ Tĩnh, Thừa Thiên Huế, Phú Khánh, Tiền Giang, Vũng Tàu để công ty trực tiếp kinh doanh và mở rộng kênh phân phối. Đồng thời công ty lập dự án để triển khai đầu tư hệ thống kho LPG tại Khu công nghiệp Đình Vũ - Hải Phòng và dự án kho LPG tại Đà Nẵng với Tổng dự toán của hai dự án này khoảng 200 tỷ đồng.

Năm 2007: Thực hiện triển khai thi công hệ thống kho LPG tại Khu công nghiệp Đình Vũ - Hải Phòng với vốn đầu tư 115 tỷ đồng. Quý 4/2007, Công ty phối hợp với các công ty thành viên đã chỉ đạo triển khai việc tái cấu trúc Công ty TNHH Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex chuyển sang Công ty cổ phần, vốn góp của công ty đến thời điểm 31/12/2007: 20,28 tỷ đồng (thời điểm 31/12/2012: 20,38 tỷ đồng) chiếm 23% vốn điều lệ.

Tháng 10 năm 2008, Công trình kho Gas Đình Vũ hoàn thành đưa vào sử dụng với Tổng sức chứa 3.000 tấn Gas.

Từ 01/01/2009, Ban lãnh đạo công ty đã chỉ đạo triển khai việc tái cấu trúc chuyển các kho đầu mối và các chi nhánh Gas trực thuộc Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn, Hải Phòng về Công ty trực tiếp quản lý điều hành.

Từ 01/04/2009, Công ty tiếp tục chuyển kho đầu mối từ các Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng và Cần Thơ về Công ty quản lý: Kho Gas Nại Hiên (Đà Nẵng), Kho gas Trà Nóc (Cần Thơ).

Từ 01/09/2009, Công ty đã đầu tư mua 1.900 m² cao ốc văn phòng tại mặt đường Tây Sơn, Hà Nội.

Ngày 01/06/2009, Công ty thành lập chi nhánh gas Petrolimex tại Lào Cai.

Ngày 01/11/2009, Công ty thành lập Chi nhánh gas Petrolimex tại Hà Nội và chuyển các cửa hàng trực thuộc Công ty tại Hà Nội sang Chi nhánh gas petrolimex tại Hà Nội.

Tháng 6/2010 Công ty góp vốn thành lập công ty TNHH đầu tư thương mại PLG (công ty 2 thành viên) có vốn Điều lệ 10 tỷ đồng, Công ty góp 50% vốn Điều lệ.

Tháng 03/2011, hoàn thành dự án và đưa vào khai thác toà nhà 322 Điện Biên Phủ, TP Hồ Chí minh.

Tháng 11/2011, công ty đã hoàn thành dự án mở rộng sức chứa kho gas Trà nóc Cần Thơ và đưa vào sử dụng.

Ngày 05/02/2013, thực hiện đề án tái cấu trúc, công ty đổi tên thành Tổng công ty gas Petrolimex – CTCP.

Ngày 01/04/2013, thành lập công ty TNHH gas Petrolimex Hà Nội và các Chi nhánh sau:

- Chi nhánh Tổng công ty gas Petrolimex-CTCP – Nhà máy LPG Hà Nội
- Chi nhánh Tổng công ty gas Petrolimex-CTCP – Nhà máy LPG Hải Phòng
- Chi nhánh Tổng công ty gas Petrolimex-CTCP – Nhà máy LPG Đà Nẵng
- Chi nhánh Tổng công ty gas Petrolimex-CTCP – Nhà máy LPG Sài Gòn
- Chi nhánh Tổng công ty gas Petrolimex-CTCP – Nhà máy LPG Cần Thơ

3. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

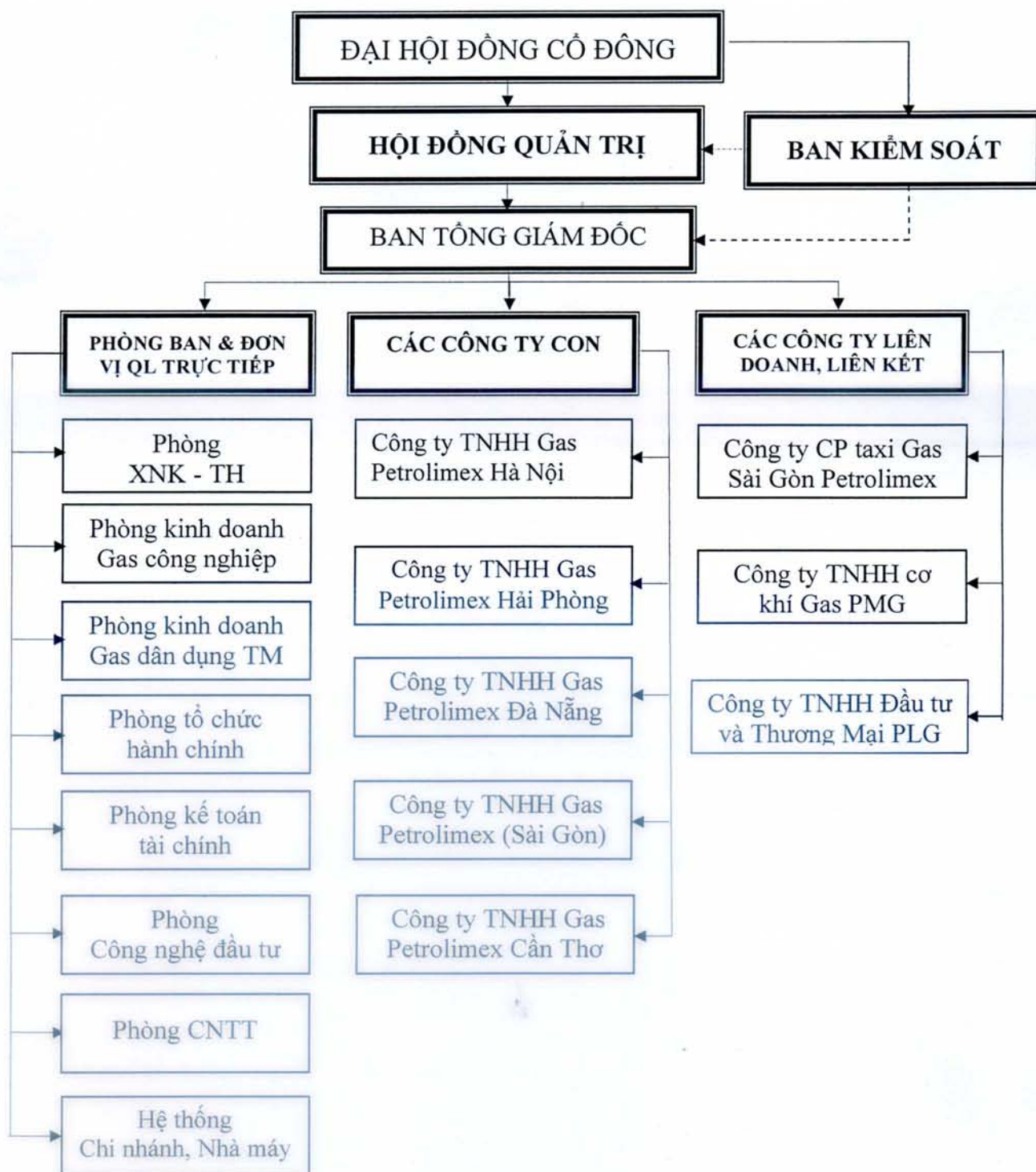
– *Ngành nghề kinh doanh:*

- Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng;
- Kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện;
- Tư vấn đầu tư, chuyên giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt các dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng theo qui định của pháp luật;
- Kiểm định, bảo dưỡng các loại vỏ bình gas.
- Dịch vụ thương mại;
- Kinh doanh địa ốc và bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất)

Hoạt động kinh doanh Gas là hoạt động chủ yếu của công ty. Doanh thu từ hoạt động này chiếm trên 90% doanh thu của công ty. Công ty hoạt động kinh doanh trên toàn quốc với hệ thống các Công ty con 100% vốn và các chi nhánh, cửa hàng trực thuộc. Công ty cũng cung cấp ra thị trường các thiết bị và phụ kiện được sử dụng với LPG như bình Gas, van bình, bồn chứa Gas.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

– Cơ cấu tổ chức bộ máy:



- Các công ty con, công ty liên kết:
 - **Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội** (Từ 01/04/2013)
 - Địa chỉ : Tầng 20 Tòa nhà MIPEC - Số 229 Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, TP.Hà Nội
 - Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng;
 - Vốn điều lệ thực góp: **10.000.000.000 VNĐ** (Mười tỷ)
 - Tỷ lệ sở hữu: 100%.
 - **Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng.**
 - Địa chỉ : Tầng 4 toà nhà TD Business Center, Lô 20A đường Lê Hồng Phong , P.Đông Khê, Q. Ngô Quyền, TP Hải Phòng
 - Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng;
 - Vốn điều lệ thực góp: **22.000.000.000 VNĐ** (Hai hai tỷ)
 - Tỷ lệ sở hữu: 100%.
 - **Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng.**
 - Địa chỉ : Số 122 Đường 2 tháng 9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
 - Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng;
 - Vốn điều lệ thực góp: **20.500.000.000 VNĐ** (Hai mươi tỷ rưỡi)
 - Tỷ lệ sở hữu: 100%.
 - **Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn.**
 - Địa chỉ : Số 322 Điện Biên Phủ, P22, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh.
 - Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng;
 - Vốn điều lệ thực góp: **57.000.000.000 VNĐ** (Năm bảy tỷ)
 - Tỷ lệ sở hữu: 100%.
 - **Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ.**
 - Địa chỉ : Số 110 Đường CMT8 - TP Cần Thơ
 - Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng;
 - Vốn điều lệ thực góp: **11.000.000.000 VNĐ** (Mười một tỷ)
 - Tỷ lệ sở hữu: 100%.
 - **Công ty TNHH Cơ Khí gas PMG.**
 - Địa chỉ : Tổng kho xăng dầu Nhà Bè, TT Nhà bè, Huyện Nhà Bè, TP. HCM.
 - Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng bình gas.
 - Vốn điều lệ thực góp: **22.524.919.267**
 - Tỷ lệ sở hữu: 51%.

➤ **Công ty CP Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex.**

- Địa chỉ : 178/6 Điện Biên Phủ, Phường 21, Q.Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh.
- Lĩnh vực kinh doanh chính: Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng xe buýt, xe taxi; Kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng, kinh doanh vận tải hành hóa bằng ô tô
- Vốn điều lệ thực góp: 92,418,010,000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu: 23.13%

➤ **Công ty TNHH PLG.**

- Địa chỉ: Số 195 Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội
- Lĩnh vực kinh doanh chính: Bất động sản
- Vốn điều lệ thực góp: **10.000.000.000**
- Tỷ lệ sở hữu: 50%.

5. **Định hướng phát triển**

– Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

➤ Phân đầu tốc độ tăng trưởng sản lượng gas bình quân hàng năm từ 7%- 15% và nếu có thể cao hơn khi có cơ hội. Lợi nhuận tăng trưởng một cách bền vững đảm bảo mức chi trả cổ tức cho Cổ đông và có lợi nhuận tích lũy để tái đầu tư phát triển.

➤ Tiếp tục củng cố và nâng cao hiệu quả kinh doanh hoặc tái cấu trúc lại công ty tại các đơn vị mà công ty đã đầu tư liên doanh liên kết. Tìm kiếm lợi nhuận và phát triển loại hình kinh doanh mới mà trước mắt là tận dụng lợi thế sẵn có của công ty để phát triển loại hình kinh doanh này.

➤ Phân đầu xây dựng cơ cấu tài chính hợp lý, an toàn và hiệu quả hơn.

– Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

➤ Chiến lược thị trường:

Trong bối cảnh kinh tế hiện nay của nước ta, việc hội nhập với thế giới ngày càng cần thiết, đa dạng và tất yếu, chính vì vậy công ty nhận định việc mở rộng thị trường là điều kiện cần thiết để phát triển doanh nghiệp. Trong những năm tới công ty sẽ tiếp tục nâng cao năng lực sản xuất, đầu tư hệ thống kho tồn chứa và phân phối tại các Cảng, kho đầu mối, nâng cao năng lực quản trị hàng dự trữ, củng cố khách hàng truyền thống và phát triển khách hàng mới, phân tích và tìm kiếm vùng thị trường còn trống. Duy trì hướng phát triển công ty theo hướng đa ngành nghề và trục chính là kinh doanh Gas để tạo tiền đề cho sự phát triển mạnh của công ty sau này.

Nghiên cứu và triển khai tái cấu trúc công ty để nâng cao khả năng khai thác các nguồn lực, hệ thống kho đầu mối.... phù hợp với chiến lược thị trường.

➤ Chiến lược phân phối:

Đặc thù kinh doanh của công ty chủ yếu là lĩnh vực thương mại nên việc tiếp tục hoàn thiện và phát triển đa dạng các kênh phân phối tại các vùng thị trường trọng điểm cũng như kênh phân phối được thiết lập tại hầu hết các Tỉnh, Thành phố trong cả nước. Công ty xác định Gas là sản phẩm đặc thù cần đảm bảo an toàn trong khai thác, vận chuyển và sử dụng. Chính vì vậy, ngoài việc bán hàng đơn thuần, công ty gắn công tác dịch vụ kỹ thuật và công tác dịch vụ sau bán hàng để khẳng định Gas Petrolimex chính là sự lựa chọn tin cậy của khách hàng.

➤ Chiến lược giá:

Thị trường khí dầu mỏ hoá lỏng tại Việt Nam trong vài năm trở lại đây là một trong những lĩnh vực cạnh tranh ngày càng gay gắt trong đó bao gồm cả cạnh tranh về giá. Mặc dù vậy, chiến lược giá của công ty luôn xác định mức giá phù hợp với thị trường trên cơ sở khả năng tài chính của công ty để cùng một số Hãng Gas lớn khác bình ổn thị trường nhằm đảm bảo hài hoà các lợi ích giữa Người tiêu dùng và Nhà phân phối.

➤ Chiến lược nguồn nhân lực:

Nhân tố con người là nguồn lực tài chính vô hình góp phần quan trọng trong việc quyết định sự thành công, phát triển của doanh nghiệp. Do đó công tác quản trị nguồn nhân lực của công ty tập trung vào:

- Phát triển nguồn nhân lực trẻ thông qua kế hoạch tuyển dụng và đào tạo nhằm tạo ra động lực phát triển, từng bước kế thừa và tiếp thu những kinh nghiệm từ đội ngũ cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm.
- Thường xuyên đào tạo để nâng cao tay nghề, trình độ của đội ngũ nhân viên, cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý.
- Từng bước cải tiến cơ cấu tổ chức, tiền lương, tiền thưởng hợp lý nhằm khuyến khích tăng năng suất lao động cũng như tạo ra môi trường thuận lợi để mỗi cán bộ công nhân viên tự khẳng định mình.
- Tạo điều kiện để mọi người lao động trong công ty đều có cơ hội sở hữu cổ phần của công ty nhằm phát huy tinh thần làm chủ, gắn bó thực sự lâu dài với công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

– Kết quả kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty năm 2012:

Số TT	Chi tiêu	ĐVT	KH 2012	TH 2011	TH 2012	So sánh (%)	
						Cùng kỳ 2011	KH 2012
1	Vốn điều lệ	Triệu đ	502.875	344.467	344.467	100%	68,50%
2	Tổng doanh thu thuần hợp nhất	Triệu đ	2.886.000	2.807.462	3.264.969	116,30%	113,13%
3	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Triệu đ	75.000	49.198	99.982	203,22%	133,30%
4	LNST(lợi ích CĐ của Tổng cty)	Triệu đ	56.250	31.255	76.072	243,39%	135,24%
5	LNST của công ty mẹ	Triệu đ	56.250	29.611	76.994	260,02%	136,88%
6	Tỷ suất LNSTCty mẹ/VDL BQ	%	11,18%	8,60%	22,35%	260%	199,91%
7	Tỷ lệ Cổ tức/vốn góp	%	10%	6%	DK12%		
9	Lao động BQ	Người	956	943	942	99,89%	98,54%

(Theo báo cáo TC hợp nhất và báo cáo tài chính công ty mẹ đã kiểm toán năm 2012)

Tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất (lợi ích cổ đông của Tổng công ty) năm 2012: 76,072 tỷ đồng, bằng 135% kế hoạch và bằng 243% so với năm 2011; Trong đó: Lợi nhuận sau thuế năm 2012 của Khối chuyên doanh Gas: 73,677 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 96,9% so với Tổng lợi nhuận. Cùng với quá trình tái cấu trúc, Tổng công ty tập trung mọi nguồn lực vào ngành nghề kinh doanh chính và từng bước thoái vốn đầu tư ra bên ngoài đối với các đơn vị ngoài ngành kinh doanh hiệu quả thấp.

2. Tổ chức và nhân sự

– Danh sách Ban điều hành:

1) Họ và tên: Trần Văn Thanh

- Chức vụ hiện tại: Tổng Giám đốc Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP.
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/5/1955
- Nơi sinh: Quảng Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Văn, Quảng Trạch, Quảng Bình
- Địa chỉ thường trú: Số 20 ngõ 71 phố Láng Hạ, Thành Công, HN
- Điện thoại liên lạc: 04.8642246
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - ĐH KTQD

- Quá trình công tác:

09/1981-02/1989 : CV phòng Kinh doanh, Tổng Công ty Xăng dầu VN
 03/1989-03/1990 : Phó trưởng phòng Kinh doanh, Tổng Công ty XĐVN
 04/1990-12/1993: Trưởng P. Kinh doanh, Công ty Xăng dầu khu vực I
 01/1994-01/1999: Phó Giám đốc Công ty Xăng dầu khu vực I, giám đốc Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu HN
 01/1999-12/2003: Giám đốc Công ty Gas
 01/2004 - nay: UVHĐQT, Tổng Giám đốc Công ty CP Gas Petrolimex

- Số cổ phần nắm giữ: 853

2) Họ và tên: Vũ Hồng Khánh

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Tổng Cty Gas Petrolimex - CTCP.
 - Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 28/8/1961
 - Nơi sinh: Nam Định
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc : Kinh
 - Quê quán: Phương Định, Nam Ninh, Nam Định
 - Địa chỉ thường trú: Số 8A tổ 19B P.Láng Thượng, Q.Đống Đa, HN
 - Điện thoại liên lạc: 04.8641211
 - Trình độ văn hóa: 10/10
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Đại học TCKT
 - Quá trình công tác:

05/1986-09/1990: Chuyên viên kế toán Công ty Vật tư và Thiết bị chuyên dùng
 10/1990-03/1997: Chuyên viên Phòng Tài vụ, Tổng Công ty Xăng dầu VN
 04/1997-02/1998: Trưởng phòng Kế toán Công ty Xăng dầu Bắc Thái
 03/1998-01/1999: Phó phòng Kiểm toán nội bộ, Tổng Cty Xăng dầu VN
 02/1999-09/10/2002: Trưởng phòng Kế toán tài chính, Công ty Gas Petrolimex
 10/10/2002-12/2003: Kế toán trưởng Công ty Gas Petrolimex
 01/2004 - 3/2007: Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty CP Gas Petrolimex
 04/2007 - Nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Gas Petrolimex

- Số cổ phần nắm giữ: 7.270

3) Họ và tên: Phạm Thanh Sơn

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Tổng Cty Gas Petrolimex - CTCP.
 - Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 18/9/1962
- Nơi sinh: Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán: Hải lộc, Hải Hậu, Nam Định
- Địa chỉ thường trú: TT công ty XD KVI, Đức Giang, HN
- Điện thoại liên lạc: 04.8641212
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế LĐTTL, ĐHKQTĐ
- Quá trình công tác:

10/1987-6/1994: Chuyên viên phòng TCCB-LĐTTL Công ty XDKVI
 7/1994-03/1997: Phó phòng TCHC Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu Hà Nội
 04/1997-08/1997: Trưởng phòng TCHC Xí nghiệp DV xăng dầu và cơ khí
 09/1997-12/1998: Phó phòng TCHC Công ty xăng dầu khu vực I
 01/1999-03/2004: Trưởng phòng TCHC Công ty Gas Petrolimex
 04/2004-09/2004: Trưởng phòng TCHC Công ty Cổ phần Gas Petrolimex
 10/2004-04/2005: Giám đốc Chi nhánh Gas Petrolimex Hải Phòng
 05/2005 - 10/2007: Giám đốc Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng
 11/2007 - Nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Gas Petrolimex

- Số cổ phần nắm giữ: 2

4) Họ và tên: Nguyễn Khắc Trí

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Tổng Cty Gas Petrolimex - CTCP.
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 10/02/1972
- Nơi sinh: Ân Thi, Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán: Ân Thi, Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: Số 9/14/104 Đào Tấn, Q. Ba Đình, HN
- Điện thoại liên lạc: 04.8641212
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư, ĐH Bách Khoa HN.
- Quá trình công tác:

04/1993-08/1993: Kỹ sư tổ hoá nghiệm, Công ty XDKV III

08/1993-04/1995:	Phòng Quản lý kỹ thuật, Công ty Xăng dầu khu vực III
08/1994-08/1995:	Phòng Kinh doanh xăng dầu, Công ty Xăng dầu khu vực III
09/1996-08/1996:	Phòng Kinh doanh gas, Công ty Xăng dầu khu vực III
09/1996-02/1997:	Phó trưởng kho gas, Công ty Xăng dầu khu vực III
02/1997-01/1999:	Chuyên viên phòng Kinh doanh gas, Tổng Cty Xăng dầu VN
01/1999-11/2004:	Phó trưởng phòng Quản lý kỹ thuật, Công ty Gas Petrolimex
11/2004-01/2005:	Phó trưởng phòng Công nghệ Đầu tư, Cty CP gas Petrolimex
01/2005-12/2012:	Trưởng phòng Công nghệ Đầu tư, Công ty CP gas Petrolimex
01/2013- nay:	Bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc Cty CP gas Petrolimex

- Số cổ phần nắm giữ: 30.904

- Những thay đổi trong ban điều hành:

✓ 30/04/2012: Phó Tổng giám đốc Nguyễn Á Phi chuyển công tác.

✓ 01/01/2013: Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Nguyễn Khắc Trí.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

Tổng số lao động của Tổng Công ty (bao gồm cả công ty con 100% vốn góp) đến thời điểm 31/12/2012 là 930 lao động, cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện như sau:

Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ %
Trên đại học	16	1.7
Đại học và Cao đẳng	409	44.0
Trung cấp	114	12.3
Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	368	39.6
Phổ thông	23	2.5
Tổng	930	100

▪ Chính sách đào tạo.

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ tại các đơn vị. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

- ✓ Đối với lao động trực tiếp: Công ty thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành hàng. Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học.

- ✓ Đối với lao động tại các phòng chuyên môn nghiệp vụ: Công ty luôn tạo điều kiện cho tham gia học cả trong và ngoài nước về các ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của nhà nước... Những cán bộ công nhân viên do Công ty cử đi học được thanh toán chi phí học tập và được hưởng lương theo kết quả học tập.

▪ **Chính sách lương, thưởng.**

Công ty xây dựng quy chế về quản lý và phân phối tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn Công ty. Đơn giá tiền lương được xác định dựa vào tổng quỹ lương (theo quy định của nhà nước về thang bảng lương, số lượng lao động, mức tối thiểu, hệ số điều chỉnh theo vùng), sản lượng bán hàng số và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương được phân phối theo nguyên tắc phân phối theo lao động và sử dụng tiền lương như đòn bẩy kinh tế quan trọng nhất để kích thích người lao động tích cực tham gia sản xuất kinh doanh. Việc phân phối lương được thực hiện công khai và dân chủ, đảm bảo sự công bằng và hợp lý giữa các chức danh trong Công ty.

Sau khi cổ phần hoá, Công ty đã xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước. Kết quả, cho thấy chính sách lương mới phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người tạo được sự khuyến khích cán bộ công nhân viên của Công ty làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, Công ty đưa ra chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, có thành tích chống tiêu cực, lãng phí.

3. *Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án*

Trong năm 2012, công tác đầu tư xây dựng đã tuân thủ theo Quy chế đầu tư xây dựng của Tổng công ty và Kế hoạch đầu tư xây dựng đã được HĐQT phê duyệt. Tổng khối lượng đã thực hiện là 35,326 tỷ đồng đạt 35% kế hoạch. Các dự án lớn đã thực hiện cụ thể như sau:

- Tháng 8/2012 đã triển khai thi công các gói thầu thuộc dự án kho LPG Thọ Quang-Đà Nẵng: Gói thầu móng bồn gas, móng bể PCCC và chế tạo bể PCCC; Gói thầu nhà văn phòng, tường rào, cổng; Gói thầu nhà đóng bình, nhà xưởng vật tư và kiểm định. Đến 31/12/2012 đã thực hiện được 90% khối lượng theo hợp đồng.
- Đối với dự án trạm chiết nạp LPG Bảo Lộc-Lâm Đồng, bắt đầu thi công tháng 7 năm 2012, hoàn thành tháng 11 năm 2012. Hiện tại đã hoàn thành bàn giao cho PGC Sài Gòn để làm thủ tục xin phép đưa vào hoạt động SXKD trong tháng 1/2013.

Tỷ lệ thực hiện vốn đầu tư toàn Tổng công ty cả năm đạt thấp so với kế hoạch năm 2012 là do dự án kho LPG Thọ Quang mới triển khai được giai đoạn ban đầu.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2011	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1,508,558,373,547	1,142,144,727,729	32%
Doanh thu thuần	3,264,969,242,428	2,807,462,417,848	16%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	94,784,906,383	40,402,265,180	135%
Lợi nhuận khác	5,144,525,704	8,920,842,857	-42%
Lợi nhuận từ HĐ liên doanh, liên kết	52,958,149	(124,642,589)	
Lợi nhuận trước thuế	99,982,390,236	49,198,465,448	103%
Lợi nhuận sau thuế	78,372,751,050	33,275,638,344	136%
- LNST của cổ đông thiểu số	2,300,821,631	2,020,085,771	14%
- LNST của cổ đông của công ty	76,071,929,419	31,255,552,573	143%
Tỷ lệ trả cổ tức	dự kiến từ 10% đến 12%/vốn điều lệ	6%/vốn điều lệ	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2011
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1.17	1.24
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	0.93	0.93
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.59	0.50
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.46	1.02
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	17.93	17.14
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2.16	2.46
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.02	0.01
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.13	0.06
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.05	0.03
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/DT thuần	0.03	0.01

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (Theo vốn điều lệ mới)

a) Cổ phần:

- Tổng số CP phát hành: 50.287.503 cổ phần
- Số cổ phiếu quỹ: 3.353 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu tỷ lệ sở hữu

ĐVT: 1.000 VNĐ

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Cổ đông sáng lập	263,369,160	52.404%			263,369,160	52.404%
CĐ sở hữu trên 5% CP	263,369,160	52.404%			263,369,160	52.404%
CĐ sở hữu từ 1% đến 5% CP	51,864,560	10.320%	8,730,800	1.737%	60,595,360	12.057%
CĐ sở hữu dưới 1% CP	166,182,380	33.066%	12,425,480	2.472%	178,607,860	35.539%

Cơ cấu vốn cổ đông

ĐVT: 1.000 VNĐ

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông Nhà nước:	263,369,160	52.404%			263,369,160	52.404%
2. Cổ đông nội bộ:	424,600	0.084%			424,600	0.084%
Cổ đông HĐQT	8,530	0.002%			8,530	0.002%
Ban giám đốc	390,290	0.078%			390,290	0.078%
Ban kiểm soát	25,780	0.005%			25,780	0.005%
Kế toán trưởng						
3. Cổ đông trong công ty:	33,530	0.007%			33,530	0.007%
Cổ phiếu Quỹ	33,530	0.007%			33,530	0.007%
Cán bộ công nhân viên						
4. Cổ đông ngoài công ty	217,588,810	43.295%	21,156,280	4.210%	238,745,090	47.505%
Cá nhân	163,899,450	32.612%	7,764,510	1.545%	171,663,960	34.157%
Tổ chức	53,689,360	10.683%	13,391,770	2.665%	67,081,130	13.348%

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Ngày 08/02/2013 Tổng công ty Gas Petrolimex thực hiện tăng vốn lên 502.875.030.000 đồng.
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1) Công tác nguồn hàng, tổ chức kinh doanh và phát triển thị trường.

Mặc dù nguồn hàng năm 2012 có nhiều biến động nhưng công tác nguồn hàng đã được tổ chức tốt, đảm bảo chân hàng, đáp ứng ổn định nhu cầu kinh doanh của toàn Tổng công ty. Tổng công ty đã làm tốt công tác dự báo, bám sát diễn biến giá CP, duy trì tỷ lệ mua hàng hợp lý, phối hợp chặt chẽ với nhà cung cấp để có được sự linh hoạt tối đa trong thực hiện kế hoạch hàng hóa. Ngoài công tác đảm bảo nguồn hàng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh của bản thân Tổng công ty, Tổng công ty còn tận dụng được thời điểm thị trường khan hiếm để nhập mua chuyển bổ sung, tăng lượng xuất bán hăng khác để thu lợi nhuận.

Trong công tác bán hàng và tổ chức kinh doanh, dự đoán trước môi trường kinh doanh diễn biến không thuận lợi, Tổng công ty đã định hình rõ nét chính sách kinh doanh làm có sở chỉ đạo sát sao các đơn vị trực thuộc nhằm đạt kết quả kinh doanh cũng như an toàn về tài chính cao nhất, cụ thể:

Đối với kinh doanh gas rời, Tổng công ty không đặt nặng vào tăng trưởng sản lượng mà thay vào đó là triển khai chính sách bán hàng chắc chắn, an toàn với các chính sách như bảo lãnh thanh toán, đặt dự nợ định mức tối đa đối với mỗi hợp đồng, dịch chuyển sản lượng cung cấp từ các khối khách hàng có môi trường kinh doanh không thuận lợi sang ưu tiên cho khối khách hàng có triển vọng kinh doanh sáng sủa hơn....

Đối với gas bình: Qua thực tế kinh doanh nhiều năm, gas bình đã được khẳng định là kênh bán hàng ổn định, đem lại hiệu quả cao, an toàn thanh toán được đảm bảo nên trong năm 2012, Tổng công ty tiếp tục ưu tiên nguồn lực để phát triển kênh này với kết quả tương đối khả quan là đạt mức tăng trưởng 8% so với cùng kỳ. Để đạt được kết quả này, Tổng công ty đã thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp: xây dựng các chính sách thúc đẩy sản lượng bán qua hệ thống các công ty xăng dầu (định giá bán theo vùng, xây dựng chính sách chiết khấu sản lượng đủ mạnh để kích thích bán hàng, hỗ trợ đầu tư các hộ khách hàng tiêu thụ lớn, hỗ trợ đầu tư phương tiện vận tải...), xây dựng chính sách giá bán cạnh tranh để thúc đẩy bán hàng qua hệ thống đại lý ngoài ngành, giảm khối lượng gas đóng trong bình 13kg để hình thành bình 12kg van đứng nhằm tạo sức cạnh tranh cho sản phẩm trên thị trường, thực hiện các chương trình tăng cường nhận diện sản phẩm gas Petrolimex...

Hoạt động trong môi trường kinh doanh không thuận lợi như năm 2012, song song với việc thực thi các chính sách kinh doanh nhằm thực hiện tối đa các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội cổ đông thông qua, Tổng công ty cũng xác định đây là cơ hội để Tổng công ty xem xét, đánh giá, thực hiện các sắp xếp và điều chỉnh về thị trường, tổ chức kinh doanh, và nâng cao công tác quản trị nội bộ công ty. Trong năm 2012, Tổng công ty đã tiến hành giải thể các tổ chức và chi nhánh không hiệu quả để giải phóng nguồn lực, ưu tiên điều hành để cải thiện sản lượng bán ra tại các khu vực thị trường có triển vọng nhưng hoạt động của công ty tại các khu vực thị trường này còn nhiều hạn chế, thống nhất

quản lý chi phí vận tải trên phạm vi toàn công ty, xây dựng các qui chế quản lý nội bộ thống nhất (Qui chế quản lý kho, Qui chế quản lý công nợ, Qui chế tiền lương...), thực hiện các cải tiến trong quản lý để được cấp Chứng chỉ ISO và qua đây đưa công tác quản lý của Tổng công ty vào nền nếp, ...

2) Công tác quản lý và sử dụng vốn

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012, Tổng công ty đã triển khai thực hiện phát hành: 15.840.804 cổ phần dưới hình thức phát hành cổ phiếu thường (tỷ lệ 36%) và ứng cổ tức bằng cổ phiếu đợt 1/2012 (tỷ lệ 10%) để tăng vốn điều lệ từ 344,467 tỷ lên 502,875 tỷ đồng. Hiện cổ phiếu mới phát hành đã được niêm yết giao dịch từ ngày 26/3/2013. Cùng với việc tăng vốn điều lệ để cơ cấu nguồn vốn hợp lý, Tổng công ty vẫn tiếp tục tìm mọi giải pháp để thoái vốn tại Công ty cổ phần taxi Gas Petrolimex Sài Gòn; Tuy nhiên, do điều kiện thị trường chưa thuận lợi, các doanh nghiệp cùng ngành Taxi đang gặp nhiều khó khăn nên Tổng công ty chưa thoái vốn được cần phải tiếp tục triển khai năm 2013.

Kết thúc năm tài chính 2012, tổng tài sản của Tổng công ty đạt: 1.508 tỷ đồng; trong đó: Tài sản lưu động: 856 tỷ đồng, chiếm: 56,8% tổng tài sản; Tài sản cố định và đầu tư dài hạn: 652 tỷ đồng, chiếm 43,2% tổng tài sản. Tổng tài sản trên được tài trợ bởi nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn tiền ký cược vô bình Gas: 765 tỷ đồng (chiếm 50,7% tổng nguồn vốn), còn lại là nợ ngắn hạn. Với cơ cấu tài chính này kèm theo sự luân chuyển nhanh của dòng tiền nên cơ cấu tài chính của Tổng công ty đảm bảo an toàn và đảm bảo tốt cho hoạt động kinh doanh của Tổng công ty được liên tục và phát triển.

Trước những diễn biến khó khăn chung của nền kinh tế đầy chi phí vốn của các doanh nghiệp tăng mạnh, Tổng công ty luôn trú trọng trong công tác quản lý, sử dụng vốn trên nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn. Tổng công ty đã sử dụng linh hoạt các công cụ tài chính, uyển chuyển trong sử dụng vốn vay và tận dụng tối đa lợi thế của Tổng công ty về cơ cấu tài sản và nguồn vốn; về việc luân chuyển dòng tiền để gia tăng lợi nhuận; đồng thời uyển chuyển trong việc thay đổi cơ cấu nguồn hàng nội và hàng ngoại để giảm chi phí vốn trong sự cách biệt giữa lãi suất giữa đồng tiền nội và đồng tiền ngoại..., đảm bảo cơ sở hàng dự trữ hợp lý để giải phóng vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.

Công tác quản lý dòng tiền tiếp tục được hoàn thiện trong việc quản lý theo hình thức quản lý tập trung vốn tại Tổng công ty từ dòng tiền tại các Cửa hàng, chi nhánh trực thuộc công ty con 100% vốn tới các công ty con 100% vốn theo hình thức chuyên thu và chuyển tiền tự động trực tuyến hàng ngày để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Trong công tác quản lý công nợ phải thu khách hàng, Tổng công ty đã dùng các biện pháp mạnh cần thiết để thu hồi vốn.

IV. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

Hội đồng quản trị Tổng công ty Gas Petrolimex – CTCP năm 2012 bao gồm các ông, bà có tên dưới đây:

- | | | | | |
|----|-----|--------------------|---|---------------|
| 1. | Ông | Trịnh Quang Vinh | - | Chủ tịch HĐQT |
| 2. | Ông | Trần Văn Thanh | - | Ủy viên HĐQT |
| 3. | Ông | Nguyễn Quang Dũng | - | Ủy viên HĐQT |
| 4. | Ông | Nguyễn Văn Lãng | - | Ủy viên HĐQT |
| 5. | Bà | Nguyễn Thanh Huyền | - | Ủy viên HĐQT |

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Gas Petrolimex, trong năm hoạt động 2012 HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp có sự tham gia của Ban kiểm soát Công ty. Tại mỗi phiên họp, trên cơ sở báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và các giải pháp đề xuất do Tổng giám đốc Công ty trình bày, HĐQT đã đi sâu phân tích tình hình kinh doanh cùng các giải pháp đề xuất để có các chỉ đạo với ban điều hành thông qua hình thức chỉ đạo trực tiếp tại mỗi cuộc họp và/hoặc Nghị quyết sau mỗi cuộc họp với các nội dung chính được tóm tắt như sau

- **Công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Sau khi thực hiện đánh giá kỹ các nhân tố kinh tế, xã hội ảnh hưởng tới công tác tổ chức kinh doanh và những nỗ lực, phấn đấu cũng như kết quả đạt được trong năm 2011; kết hợp với những nhận định, đánh giá các nhân tố thuận lợi, khó khăn có tác động đến công tác kinh doanh của Tổng công ty trong năm 2012 và căn cứ vào Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 đã được Đại hội Đồng cổ đông năm 2012 thông qua, Hội đồng quản trị đã tiến hành giao kế hoạch sản xuất kinh doanh cho Công ty mẹ và các công ty TNHH Gas Petrolimex trực thuộc để triển khai thực hiện. Với quyết tâm phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được giao, ngay sau khi thực hiện giao kế hoạch chi tiết cho các đơn vị, HĐQT Tổng công ty liên tục giám sát quá trình triển khai thực hiện của toàn Tổng công ty. Tại từng phiên họp của HĐQT, trên cơ sở báo cáo của Tổng giám đốc, HĐQT đã phân tích, đánh giá và đưa ra những nhận định, chỉ đạo kịp thời nhằm đảm bảo hoạt động SXKD bám sát với tình hình thực tế của Tổng công ty và sự biến động của môi trường kinh doanh từ đó có những giải pháp, những chỉ đạo phù hợp trong các giai đoạn tiếp theo. Nhờ đó, kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty trong năm qua đạt được rất khả quan. Sản lượng tăng 7% so với năm 2011 và vượt Kế hoạch giao 5%; Doanh thu vượt kế hoạch 13%; Lợi nhuận vượt 33% kế hoạch giao; cổ tức dự kiến 12% (tăng 2% so với kế hoạch).

- **Công tác tổ chức và đổi mới mô hình hoạt động**

Xuất phát từ tình hình thực tế của thị trường và tổ chức triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Tổng công ty trong từng thời kỳ, trên cơ sở báo cáo của Ban điều hành, HĐQT đã chấp thuận và chỉ đạo Công ty đã tiến hành củng cố và hoàn thiện tổ chức hoạt động của Công ty theo hướng ưu tiên các nguồn lực để phát triển thị trường, tổ chức quản

lý kinh doanh theo hướng thống nhất về mô hình, thuận lợi trong việc tổ chức phát triển thị trường, giảm thiểu cạnh tranh nội bộ.

Từ những thay đổi về mô hình tổ chức đã được thực hiện trong những năm trước, HĐQT đã chỉ đạo Công ty tiến hành rà soát, đánh giá lại mô hình hoạt động, sắp xếp lại mạng lưới bán hàng để nâng cao hơn nữa hiệu quả kinh doanh. Cụ thể:

- Thực hiện giải thể, sát nhập một số cửa hàng kém hiệu quả để tập trung nguồn lực cho các cửa hàng, trung tâm kinh doanh có hiệu quả hơn;
- Bàn giao lại công tác tổ chức kinh doanh tại một số địa bàn cho các công ty xăng dầu quản lý sau khi đã được củng cố, gia tăng thị phần để nâng cao hơn nữa hiệu quả kinh doanh, khai thác tốt hơn nữa cơ sở vật chất của Petrolimex;
- Đẩy mạnh công tác phối hợp, hỗ trợ các công ty xăng dầu thành viên của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam để mở rộng mạng lưới kinh doanh, gia tăng thị phần của Tổng công ty; khai thác ngày một tốt hơn hệ thống mạng lưới phân phối riêng có của hệ thống Xăng dầu.
- Tiếp tục củng cố hoạt động của các chi nhánh nhằm gia tăng sản lượng xuất bán, gia tăng thị phần và nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Bổ nhiệm thêm 01 phó Tổng giám đốc phụ trách công tác đầu tư, kỹ thuật
- Thành lập công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội trên cơ sở nâng cấp Chi nhánh Công ty cổ phần Gas Petrolimex tại Hà Nội. Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/04/2013.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2012, HĐQT đã chỉ đạo quyết liệt Ban điều hành thực hiện việc thay đổi tên doanh nghiệp, thực hiện các phần việc liên quan đến việc tăng vốn điều lệ theo đúng nội dung đã được Đại hội phê duyệt. Đến đầu tháng 2/2013, việc thay đổi tên đã hoàn tất và công ty đã có đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 11 với tên gọi chính thức là Tổng công ty Gas Petrolimex – CTCP; việc tăng vốn điều lệ đã thực hiện xong kể từ ngày 08/02/2013; số cổ phần phát hành thêm đã được nhận lưu ký kể từ ngày 20/03/2013 và chính thức đưa vào giao dịch trên thị trường chứng khoán kể từ ngày 26/03/2013.

- Đối với công tác đầu tư cơ sở vật chất ngành hàng:

HĐQT đã thường xuyên giám sát tiến độ triển khai các dự án đầu tư trọng điểm đã được phê duyệt để đảm bảo có thể đưa vào khai thác và phát huy hiệu quả trong thời gian sớm nhất:

- Đã triển khai thi công các gói thầu thuộc dự án kho LPG Thọ Quang-Đà Nẵng: Gói thầu móng bồn gas, móng bể PCCC và chế tạo bể PCCC; Gói thầu nhà văn phòng, tường rào, cổng; Gói thầu nhà đóng bình, nhà xưởng vật tư và kiểm định. Đến 31/12/2012 đã thực hiện được 90% khối lượng theo hợp đồng;
- Dự án trạm chiết nạp LPG Bảo Lộc-Lâm Đồng: đã triển khai thi công, hoàn thành công trình và bàn giao đưa vào khai thác sản xuất đóng bình phục vụ cho nhu cầu của Lâm Đồng và các tỉnh Nam Tây Nguyên cuối tháng 1/2013;

- Công tác tăng vốn điều lệ:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, ngày 08/02/2013 Tổng công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 344,446 tỷ đồng lên 502,875 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu thưởng (36%) và tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu đợt 1/2012 (10%). Vốn điều lệ đến thời điểm 08/02/2013 của Tổng công ty là 502,875 tỷ đồng, tương đương 50.287.503 cổ phần phổ thông. Vốn góp của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam chiếm 52,373%, số còn lại được góp bởi các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

- Đánh giá hoạt động quản lý, giám sát năm 2012:
 - Trong năm 2012, HĐQT Tổng công ty đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, quản lý và giám sát toàn diện các hoạt động SXKD của Tổng công ty và việc chấp hành các chế độ chính sách của Đảng và Nhà Nước. Tại các phiên họp của HĐQT, trên cơ sở báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh do Ban điều hành trình bày, HĐQT đã kịp thời ban hành các Nghị quyết, Quyết định và các quy định phù hợp với điều kiện vận hành của Công ty trong từng giai đoạn. Thông qua các Nghị quyết, Quyết định HĐQT đã nêu ra các định hướng, giải pháp đúng đắn và kịp thời để chỉ đạo hoạt động của Tổng công ty đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội Đồng Cổ đông thông qua và giao nhiệm vụ.
 - Kịp thời ban hành và thực hiện sửa đổi Điều lệ và tổ chức hoạt động, sửa đổi các Quy chế quản lý của Tổng công ty cho phù hợp với tình hình phát triển của Tổng công ty. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành các Quy chế đã ban hành; thường xuyên xem xét các kiến nghị của Tổng giám đốc để có những điều chỉnh, bổ xung, sửa đổi cho phù hợp.
 - Trong năm 2012, căn cứ vào yêu cầu của công tác quản lý, các điều kiện thay đổi của thị trường từng khu vực, HĐQT đã thực hiện giải thể một số chi nhánh, bàn giao công tác kinh doanh gas sang cho các công ty xăng dầu tại địa bàn thực hiện nhằm sử dụng hiệu quả hơn nguồn lực và lợi thế của hệ thống phân phối trong ngành; sắp xếp lại công tác quản lý các chi nhánh cho phù hợp với yêu cầu phát triển của thị trường, giảm thiểu việc cạnh tranh nội bộ trong công ty, nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh trên thị trường.
 - Thực hiện việc tăng vốn điều lệ từ 344 tỷ đồng lên 502 tỷ đồng để nâng cao năng lực kinh doanh và hình ảnh của Tổng công ty, đồng thời đáp ứng yêu cầu về vốn kinh doanh của Tổng công ty.
 - HĐQT đã luôn bám sát tình hình triển khai các dự án đầu tư lớn, kịp thời ban hành các Nghị quyết điều chỉnh, thay đổi nhằm tạo điều kiện đầy nhanh công tác triển khai các dự án đầu tư. Các dự án đã triển khai trong năm: dự án kho LPG Thọ Quang, Trạm nạp Bảo Lộc – Lâm Đồng; dự án di chuyển và mở rộng kho LPG Đình Vũ; mua trụ sở cho Chi nhánh Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng tại Quảng Ninh,...

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Ghi chú
1	Trịnh Quang Vinh	Chủ tịch	0 CP	Không điều hành
2	Trần Văn Thanh	UV	853 CP	Điều hành
3	Nguyễn Quang Dũng	UV	0 CP	Không điều hành
4	Nguyễn Văn Lăng	UV	0 CP	Không điều hành
5	Nguyễn Thanh Huyền	UV	0 CP	TV độc lập

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: HĐQT không có các tiểu ban.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: Trong kỳ HĐQT Tổng công ty đã tổ chức được 04 phiên họp.

• Các nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	06/PGC-NQ-HĐQT	26/03/2012	Giao Kế hoạch năm 2012 cho các Cty thành viên, chuẩn bị ĐHCĐ 2012
2	38/PGC-NQ-HĐQT	25/06/2012	Giao đơn giá tiền lương cho cty mẹ và các cty thành viên
3	44/PGC-NQ-HĐQT	28/06/2012	Giải thể CN Cty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng tại Thái Bình
4	49/PGC-NQ-HĐQT	24/07/2012	Phê duyệt BC KQHĐSXKD 6 tháng đầu năm 2012
5	50/PGC-NQ-HĐQT	24/07/2012	Chọn Deloitte làm đơn vị kiểm toán BCTC 2012 và soát xét BCTC bán niên 2012
6	51/PGC-NQ-HĐQT	24/07/2012	Giải thể CN Cty CP Gas Petrolimex tại Lào Cai
7	53/PGC-NQ-HĐQT	24/07/2012	V/v khai thác tòa nhà 775 Giải Phóng, Hoàng Mai, Hà Nội
8	56/PGC-NQ-HĐQT	09/08/2012	V/v Chuyển trụ sở CN Cty CP gas Petrolimex tại Hà Nội
9	58/PGC-NQ-HĐQT	13/08/2012	V/v Phê duyệt giá trị và hạng mục đầu tư: kiến trúc nội thất, hệ thống kỹ thuật cho VP PGC Đà Nẵng
10	59/PGC-NQ-HĐQT	29/08/2012	Giải thể CN Cty CP Gas Petrolimex tại Yên Bái
11	67/PGC-NQ-HĐQT	08/10/2012	V/v quy hoạch cán bộ giai đoạn 2012 – 2017
12	71/PGC-NQ-HĐQT	26/11/2012	- Thông qua BC KQSXKD 10 tháng đầu năm 2012 - Thống nhất PA bổ nhiệm KSV tại các Cty TNHH - Thành lập CN Cty TNHH Gas Petrolimex (Sài gòn) tại Lâm Đồng. - Thông qua BC của kiểm toán nhà nước về kết quả kiểm toán BCTC năm 2011 của cty CP gas Petrolimex. - Phê duyệt DA “Đi dời trạm LPG Thượng lý và mở rộng Kho LPG Đình Vũ”
13	77/PGC-NQ-HĐQT	18/12/2012	V/v Phát hành CP tăng vốn điều lệ công ty.
14	79/PGC-NQ-HĐQT	28/12/2012	V/v Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Cty.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên Ban kiểm soát:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số CP sở hữu
1	Kiều văn Chiến	Trưởng Ban Kiểm soát Chuyên trách	0 CP
2	Lê Thị Hải	Thành viên Ban Kiểm soát Chuyên trách	17 CP
3	Doãn Duy Đạo	Thành viên Ban Kiểm soát Kiêm nhiệm	2,561 CP

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát Tổng công ty đã thực hiện Kiểm soát Tổng công ty theo đúng Luật Doanh nghiệp, đúng Điều lệ Tổng công ty. Năm 2012, Ban kiểm soát đã có những đổi mới trong hoạt động. Ngay trong quá trình kiểm tra, khi phát hiện có vấn đề nổi cộm, Ban kiểm soát đã có những nhận xét, kiến nghị kịp thời gửi Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty để làm cơ sở đánh giá và chỉ đạo giải quyết ngay các công việc liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Trong năm 2012, Ban kiểm soát đã thường xuyên trao đổi thông tin với HĐQT và Ban TGD điều hành Tổng công ty để giải quyết công việc theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều lệ Tổng công ty, đảm bảo tính độc lập, khách quan và đúng Luật định. Tham dự các phiên họp thường kỳ của HĐQT để tham gia góp ý hoàn thiện các Quy chế quản lý nội bộ, các Nghị quyết và việc triển khai thực hiện Nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Tham dự các phiên họp giao ban, họp theo chuyên đề của Ban TGD điều hành để tham gia ý kiến đối với việc ban hành các văn bản chỉ đạo đối với hoạt động SXKD; Giám sát việc thực hiện các chính sách của Nhà nước; Nghị quyết do Đại hội đồng cổ đông quyết nghị; Các nghị quyết, quyết định của HĐQT và các văn bản đã ban hành. Các kiến nghị, đề xuất về công tác quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty đã được HĐQT, Ban TGD điều hành Tổng công ty triển khai khắc phục và bổ sung kịp thời.

3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc, ban kiểm soát.

a) Lương, thù lao:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương (1.000 đ)	Thù lao (1.000 đ)	Ghi chú
1	Nguyễn Quang Kiên	CT HĐQT		43,124	Miễn nhiệm 24/04/2012
2	Trịnh Quang Vinh	CT HĐQT	419,997		Bổ nhiệm 24/04/2012
3	Trần Văn Thanh	UV HĐQT Tổng giám đốc	576,786	103,498	
4	Đoàn Văn Thu	UV HĐQT		34,499	Miễn nhiệm 24/04/2012
5	Nguyễn Văn Lăng	UV HĐQT		68,999	Bổ nhiệm 24/04/2012
6	Nguyễn Quang Dũng	UV HĐQT		68,999	Bổ nhiệm 24/04/2012
7	Nguyễn Thanh Huyền	UV HĐQT		103,498	
8	Nguyễn Á Phi	UV HĐQT		34,499	Miễn nhiệm 24/04/2012
9	Kiều Văn Chiến	Trưởng BKS	414,683		
10	Doãn Duy Đạo	UV BKS		64,686	
11	Lê Thị Hải	UV BKS	282,738		
12	Phạm Thanh Sơn	Phó TGĐ	414,683		
13	Vũ Hồng Khánh	Phó TGĐ	414,683		

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có giao dịch.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

”Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.”

(trích dẫn từ báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 đã kiểm toán)

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

(Đính kèm sau)

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX-CTCP



CHỦ TỊCH HĐQT
Trịnh Quang Vinh



CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012**



CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 30
PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN	31 - 37

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gas Petrolimex (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Quang Vinh
Ông Nguyễn Quang Kiên
Ông Nguyễn Á Phi
Ông Đoàn Văn Thu
Ông Trần Văn Thanh
Ông Nguyễn Quang Dũng
Ông Nguyễn Văn Lãng
Bà Nguyễn Thanh Huyền

Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2012)
Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2012)
Ủy viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2012)
Ủy viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2012)
Ủy viên
Ủy viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2012)
Ủy viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2012)
Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Văn Thanh
Ông Nguyễn Á Phi
Ông Vũ Hồng Khánh
Ông Phạm Thanh Sơn

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2012)
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,


Trần Văn Thanh
Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 3 năm 2013

Số: 719 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Gas Petrolimex**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Công ty Cổ phần Gas Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 18 tháng 3 năm 2013, từ trang 03 đến trang 37. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 18 tháng 3 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Quang Huy
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1675/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011 Trình bày lại
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		856.306.525.101	515.434.592.160
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	100.582.502.701	57.571.991.574
1. Tiền	111		40.582.502.701	57.571.991.574
2. Các khoản tương đương tiền	112		60.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	233.501.421.200	6.627.917.800
1. Đầu tư ngắn hạn	121		248.497.064.426	20.377.064.426
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(14.995.643.226)	(13.749.146.626)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		314.223.177.836	309.020.025.479
1. Phải thu khách hàng	131		304.719.348.965	305.629.401.748
2. Trả trước cho người bán	132		5.030.178.034	12.749.118.413
3. Các khoản phải thu khác	135	8	21.382.184.582	9.368.117.924
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(16.908.533.745)	(18.726.612.606)
IV. Hàng tồn kho	140	9	180.310.944.277	129.486.658.053
1. Hàng tồn kho	141		188.614.566.754	129.486.658.053
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.303.622.477)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		27.688.479.087	12.727.999.254
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.542.043.691	1.372.402.057
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		23.270.522.466	10.320.938.639
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.025.781.363	350.950.404
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.850.131.567	683.708.154
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+250+260)	200		652.251.848.446	626.710.135.569
I. Tài sản cố định	220		324.742.218.062	328.203.281.949
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	282.935.235.845	250.757.955.599
- Nguyên giá	222		524.753.160.284	466.631.414.156
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(241.817.924.439)	(215.873.458.557)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	13.275.715.053	12.019.936.673
- Nguyên giá	228		17.300.762.053	15.046.779.053
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.025.047.000)	(3.026.842.380)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	28.531.267.164	65.425.389.677
II. Bất động sản đầu tư	240	13	16.992.557.560	17.357.184.017
- Nguyên giá	241		18.578.406.397	18.578.406.397
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.585.848.837)	(1.221.222.380)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5.764.084.734	7.259.372.885
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	15	4.612.958.477	4.560.000.329
2. Đầu tư dài hạn khác	258	16	2.761.126.257	6.215.250.556
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	16	(1.610.000.000)	(3.515.878.000)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		304.752.988.090	273.890.296.718
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	303.652.571.583	273.630.506.718
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		845.626.507	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		254.790.000	259.790.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.508.558.373.547	1.142.144.727.729

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 37 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011 Trình bày lại
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300	889.257.727.808	569.293.467.361
I. Nợ ngắn hạn	310	730.379.157.847	414.625.675.054
1. Vay ngắn hạn	311 18	372.603.425.514	134.277.558.111
2. Phải trả người bán	312	253.649.666.054	165.998.317.149
3. Người mua trả tiền trước	313	8.533.649.262	3.951.827.610
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314 19	21.793.455.754	24.709.763.009
5. Phải trả người lao động	315	29.946.854.779	25.755.195.598
6. Chi phí phải trả	316	6.757.116.565	23.872.905.596
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319 20	22.090.111.690	32.713.262.254
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320 21	11.912.205.298	571.184.331
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	3.092.672.931	2.775.661.396
II. Nợ dài hạn	330	158.878.569.961	154.667.792.307
1. Phải trả dài hạn khác	333 22	158.412.266.413	152.584.531.374
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	32.451.275	1.564.778.433
3. Doanh thu chưa thực hiện	338	433.852.273	518.482.500
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400	607.044.793.310	559.478.716.928
I. Vốn chủ sở hữu	410 23	607.044.793.310	559.478.716.928
1. Vốn điều lệ	411	344.466.990.000	344.466.990.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	76.180.770.000	76.180.770.000
3. Cổ phiếu quỹ	414	(49.700.000)	(49.700.000)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	425.786
5. Quỹ đầu tư phát triển	417	106.096.040.872	105.650.833.010
6. Quỹ dự phòng tài chính	418	13.919.779.236	12.900.069.411
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	66.430.913.202	20.329.328.721
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	12.255.852.429	13.372.543.440
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440	1.508.558.373.547	1.142.144.727.729

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Đơn vị	31/12/2012	31/12/2011
Hàng hóa nhận ký gửi	VND	250.000.000	216.392.000

Học
Phạm Văn Học
Người lập biểu

Quang
Nguyễn Hữu Quang
Kế toán trưởng



Ngày 18 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 37 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

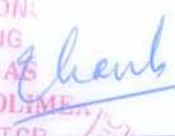
Mẫu số B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3.276.673.003.353	2.813.068.204.722
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		11.703.760.925	5.605.786.874
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	24	3.264.969.242.428	2.807.462.417.848
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	2.777.939.121.100	2.362.075.329.468
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		487.030.121.328	445.387.088.380
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	14.975.383.340	5.026.467.844
7. Chi phí tài chính	22	28	17.110.051.596	71.203.544.297
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16.749.137.397	19.212.845.950
8. Chi phí bán hàng	24		302.824.840.571	265.668.602.263
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		87.285.706.118	73.139.144.484
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		94.784.906.383	40.402.265.180
11. Thu nhập khác	31	29	8.797.308.714	11.548.981.015
12. Chi phí khác	32	30	3.652.783.010	2.628.138.158
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		5.144.525.704	8.920.842.857
14. Lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	45		52.958.149	(124.642.589)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (60=30+40+50)	50		99.982.390.236	49.198.465.448
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	22.455.265.693	14.990.327.104
17. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(845.626.507)	932.500.000
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		78.372.751.050	33.275.638.344
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		2.300.821.631	2.020.085.771
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty	62		76.071.929.419	31.255.552.573
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	2.209	983


Phạm Văn Học
Người lập biểu


Nguyễn Hữu Quang
Kế toán trưởng


Trần Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 37 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤTCho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	99.982.390.236	49.198.465.448
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	30.427.355.472	29.271.317.147
Các khoản dự phòng	03	5.826.162.216	18.237.925.626
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(927.652.959)	438.319.665
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(13.172.979.283)	(4.914.744.232)
Chi phí lãi vay	06	16.749.137.397	19.212.845.950
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	138.884.413.079	111.444.129.604
Biến động các khoản phải thu	09	(15.091.249.904)	17.483.915.156
Biến động hàng tồn kho	10	(59.127.908.701)	16.591.266.322
Biến động các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	112.932.567.170	(41.285.447.035)
Biến động chi phí trả trước	12	(30.191.706.500)	(32.716.755.684)
Tiền lãi vay đã trả	13	(17.525.901.274)	(19.047.080.129)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(27.400.311.255)	(14.346.690.039)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	4.544.901.953	16.268.664.025
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(7.570.366.263)	(6.891.753.630)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	99.454.438.305	47.500.248.590
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(44.743.443.028)	(80.050.866.686)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.827.881.499	771.759.569
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(225.000.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.286.139.300	5.433.597.453
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(257.629.422.229)	(73.845.509.664)

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 37 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.676.019.743.392	1.648.491.666.642
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.436.961.170.441)	(1.715.340.019.738)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(37.873.077.900)	(15.242.421.899)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	201.185.495.051	(82.090.774.995)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	43.010.511.127	(108.436.036.069)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	57.571.991.574	166.008.027.644
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	100.582.502.701	57.571.991.574

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 2.453.414.686 đồng (năm 2011: 1.450.796.666 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.


Phạm Văn Học
Người lập biểu

Nguyễn Hữu Quang
Kế toán trưởngTrần Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Gas Petrolimex (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó được chuyển sang hình thức Công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại. Thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần là ngày 01 tháng 01 năm 2004 theo Quyết định phê duyệt số 5786 TC/TCĐN ngày 21 tháng 5 năm 2004 của Bộ Tài chính. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101447725, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 04 tháng 5 năm 2011 với số vốn điều lệ 344.466.990.000 đồng.

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 65/UBCK-GPNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 24 tháng 11 năm 2006, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 5 công ty con (xem Thuyết minh số 14).

Công ty mẹ của Công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, nắm giữ 52,37% vốn điều lệ.

Nghành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm xuất nhập khẩu và kinh doanh gas hóa lỏng; kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện; tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh gas theo quy định của pháp luật; dịch vụ thương mại; kinh doanh địa ốc và bất động sản; nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai (vỏ bình gas); kiểm định, bảo dưỡng các loại vỏ bình gas.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 930 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 1.048 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và các công ty con cũng như giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn**

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán và được Công ty dự định thanh lý trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán (nếu có).

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Năm 2012**Số năm**

Nhà cửa, vật kiến trúc

15 - 30

Máy móc, thiết bị

6 - 10

Phương tiện vận tải

8 - 10

Dụng cụ quản lý

3 - 6

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Trong đó, giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian sử dụng. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính từ 4 đến 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 48 năm đối với quyền sử dụng đất và giá trị xây lắp (thời gian hiệu lực còn lại của quyền sử dụng đất).

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác phản ánh các khoản đầu tư chứng khoán, được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Tại các niên độ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Đối với các khoản đầu tư chứng khoán của các công ty đã niêm yết, giá trị dự phòng được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa giá mua thực tế và giá giao dịch bình quân thực tế trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) tại ngày trích lập dự phòng. Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giao dịch trên thị trường giao dịch không chính thức (OTC hoặc Upcom), giá trị dự phòng được Công ty xác định trên cơ sở đánh giá thận trọng nhất của Ban Tổng Giám đốc về mức suy giảm giá trị có thể xảy ra là chênh lệch giữa giá mua thực tế và mệnh giá chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng nhưng chưa được phân bổ hết, tiền thuê đất trả trước và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác có thời hạn lớn hơn một năm.

Tiền thuê đất trả trước là giá trị tiền thuê đất để xây dựng Kho gas Đình Vũ với số tiền 24.856.249.290 đồng, trong thời hạn 488 tháng và được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên và chi phí bảo hiểm tài sản. Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành. Chi phí bảo hiểm tài sản được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo thời gian thực tế mua bảo hiểm.

Phân bổ giá trị vỏ bình gas và khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được

Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính và Công văn hướng dẫn số 7640/CV-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2005 và số 7776/BTC-TCT ngày 02 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ tài chính và thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai” trong việc ghi nhận và phân bổ giá trị vỏ bình gas và các khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Trong năm 2012, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định điều chỉnh hồi tố số liệu tại ngày 01 tháng 01 năm 2012 trong báo cáo tài chính hợp nhất theo Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 của Kiểm toán Nhà nước ban hành ngày 29 tháng 10 năm 2012. Chi tiết ảnh hưởng của điều chỉnh hồi tố như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu năm 2011 sau điều chỉnh hồi tố	Số liệu năm 2011 trước điều chỉnh hồi tố	Chênh lệch điều chỉnh hồi tố
		VND	VND	VND
Bảng cân đối kế toán				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (i)	314	24.709.763.009	13.640.718.752	11.069.044.257
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (i)	420	20.329.328.721	31.398.372.978	(11.069.044.257)

- (i) Đây là 50% thuế thu nhập doanh nghiệp do có chứng khoán niêm yết lần đầu giai đoạn từ năm 2004 đến năm 2006, Công ty đã kê khai ưu đãi trong hai năm 2009, 2010 do có chứng khoán niêm yết lần đầu trong giai đoạn từ năm 2004 đến năm 2006. Tuy nhiên, theo Kiểm toán Nhà nước, Công ty đã hết thời gian ưu đãi này và không được hưởng ưu đãi 50% thuế thu nhập doanh nghiệp đã kê khai ưu đãi cho hai năm 2009, 2010 theo quy định của Nhà nước.

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	5.958.937.698	9.406.697.547
Tiền gửi ngân hàng	33.328.371.115	47.567.853.827
Tiền đang chuyển	1.295.193.888	597.440.200
Các khoản tương đương tiền (*)	60.000.000.000	-
	100.582.502.701	57.571.991.574

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công ty Cổ phần Taxi Gas Petrolimex Sài Gòn (*)	20.377.064.426	20.377.064.426
Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - TKV (**)	3.120.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn khác (***)	225.000.000.000	-
	248.497.064.426	20.377.064.426
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(14.995.643.226)	(13.749.146.626)
	233.501.421.200	6.627.917.800

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2012 ngày 24 tháng 4 năm 2012, Công ty tiếp tục thực hiện thoái vốn khỏi Công ty Cổ phần Taxi Gas Petrolimex Sài Gòn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty trình bày khoản đầu tư này như một khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư theo giá trị thị trường của cổ phiếu.

(**) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 26 tháng 11 năm 2012, Công ty chủ trương nắm giữ khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - TKV như một khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và sẽ bán trong tương lai gần. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty trình bày khoản đầu tư này như một khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư theo giá trị thị trường của cổ phiếu.

(***) Các khoản đầu tư ngắn hạn khác phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng, không quá 1 năm tại các ngân hàng thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu gas rời với khách hàng thuê đóng bình	-	3.266.171.697
Tài sản thiếu chờ xử lý	19.791.360	2.289.090
Tạm ứng cho các cửa hàng gas và nhân viên	2.494.762.481	-
Phải thu ngắn hạn khác	18.867.630.741	6.099.657.137
	21.382.184.582	9.368.117.924

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	1.636.311.000	309.184.183
Nguyên liệu, vật liệu	25.664.621.640	28.920.848.974
Công cụ, dụng cụ	1.804.976.103	3.777.459.703
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.860.957.990	714.953.097
Thành phẩm	1.011.608.246	10.179.456.976
Hàng hóa	156.524.686.531	85.421.985.120
Hàng gửi đi bán	111.405.244	162.770.000
Cộng	188.614.566.754	129.486.658.053
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(8.303.622.477)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	180.310.944.277	129.486.658.053

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2012	309.665.009.377	86.876.120.353	62.874.006.091	4.991.646.505	2.224.631.830	466.631.414.156
Mua sắm mới	44.043.710.497	3.663.579.279	1.915.617.592	833.311.822	103.413.276	50.559.632.466
Xây dựng cơ bản hoàn thành	12.213.801.732	-	-	445.447.200	-	12.659.248.932
Thanh lý	(2.102.446.147)	(281.800.468)	(2.868.262.098)	(179.771.987)	-	(5.432.280.700)
Tặng/(Giảm) khác	8.153.431	-	187.232.608	139.759.391	-	335.145.430
Tại ngày 31/12/2012	363.828.228.890	90.257.899.164	62.108.594.193	6.230.392.931	2.328.045.106	524.753.160.284
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2012	125.574.479.474	51.967.177.522	33.957.814.584	2.725.301.493	1.648.685.484	215.873.458.557
Khấu hao trong năm	15.738.187.616	6.788.952.057	5.419.202.490	1.000.762.266	117.419.966	29.064.524.395
Thanh lý	(850.307.974)	(138.871.318)	(2.263.049.296)	(154.348.805)	-	(3.406.577.393)
Tặng/(Giảm) khác	153.975.740	79.530.000	135.859.176	(82.846.036)	-	286.518.880
Tại ngày 31/12/2012	140.616.334.856	58.696.788.261	37.249.826.954	3.488.868.918	1.766.105.450	241.817.924.439
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2012	223.211.894.034	31.561.110.903	24.858.767.239	2.741.524.013	561.939.656	282.935.235.845
Tại ngày 31/12/2011	184.090.529.903	34.908.942.831	28.916.191.507	2.266.345.012	575.946.346	250.757.955.599

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với tổng giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 35.273.853.529 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 25.255.915.207 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	11.936.694.155	3.110.084.898	15.046.779.053
Mua sắm mới	2.253.983.000	-	2.253.983.000
Tại ngày 31/12/2012	14.190.677.155	3.110.084.898	17.300.762.053
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	1.011.626.146	2.015.216.234	3.026.842.380
Trích khấu hao trong năm	130.802.988	867.401.632	998.204.620
Tại ngày 31/12/2012	1.142.429.134	2.882.617.866	4.025.047.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2012	13.048.248.021	227.467.032	13.275.715.053
Tại ngày 31/12/2011	10.925.068.009	1.094.868.664	12.019.936.673

(*) Trong đó, bao gồm giá trị quyền sử dụng đất của lô đất tại 322 Điện Biên Phủ - Thành phố Hồ Chí Minh, được đánh giá lại theo Quyết định số 4450/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Công ty được sử dụng lô đất này để xây dựng văn phòng với chế độ giao đất có thu tiền sử dụng đất. Thời hạn giao đất là 50 năm kể từ ngày Ủy ban Nhân dân thành phố ban hành quyết định.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Cao ốc văn phòng 322 Điện Biên Phủ	-	5.146.349.021
Văn phòng tòa nhà MIPEC TOWER 229 Tây Sơn, HN	-	52.682.304.868
Tuyến ống nhập tàu kho gas Đình Vũ	-	4.296.819.889
Công trình kho gas Thọ Quang	19.063.315.615	-
Mua phần mềm kế toán	2.833.000.000	-
Các công trình khác	6.634.951.549	3.299.915.899
	28.531.267.164	65.425.389.677

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND	Giá trị xây lắp VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	6.957.405.470	11.621.000.927	18.578.406.397
Tăng trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2012	6.957.405.470	11.621.000.927	18.578.406.397
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	1.002.574.012	218.648.368	1.221.222.380
Trích khấu hao trong năm	123.360.000	241.266.457	364.626.457
Tại ngày 31/12/2012	1.125.934.012	459.914.825	1.585.848.837
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2012	5.831.471.458	11.161.086.102	16.992.557.560
Tại ngày 31/12/2011	5.954.831.458	11.402.352.559	17.357.184.017

Bất động sản đầu tư bao gồm một phần giá trị quyền sử dụng đất và các giá trị xây lắp đã hoàn thành của cao ốc văn phòng tại 322 Điện Biên Phủ, thành phố Hồ Chí Minh tương ứng với diện tích Công ty đang cho thuê hoặc nắm giữ để cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một Công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	Hải Phòng	100	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	Đà Nẵng	100	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	100	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	Cần Thơ	100	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	TP. Hồ Chí Minh	51	Sản xuất, sửa chữa, lắp đặt bình gas

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	5.000.000.000	5.000.000.000
(Lỗ)/lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	(387.041.523)	(439.999.671)
	4.612.958.477	4.560.000.329

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG	Hà Nội	50%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tổng tài sản	9.225.916.957	9.287.426.159
Tổng công nợ	-	(167.425.500)
Tài sản thuần	9.225.916.957	9.120.000.659
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	4.612.958.477	4.560.000.329

16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu	2.610.000.000	5.730.000.000
Đầu tư dài hạn khác	151.126.257	485.250.556
	2.761.126.257	6.215.250.556
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.610.000.000)	(3.515.878.000)
Giá trị thuần khoản đầu tư	1.151.126.257	2.699.372.556

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Tiền thuê đất	Vô bình gas	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2012	21.587.879.113	249.101.886.880	2.940.740.725	273.630.506.718
Tăng trong năm	-	87.514.723.276	3.321.973.669	90.836.696.945
Giá vốn vô bình bán cho công ty con	-	(22.550.460.000)	-	(22.550.460.000)
Thanh lý trong năm	-	(436.875.825)	-	(436.875.825)
Phân bổ vào chi phí trong năm	(612.469.932)	(33.143.727.852)	(4.071.098.471)	(37.827.296.255)
Tại ngày 31/12/2012	20.975.409.181	280.485.546.479	2.191.615.923	303.652.571.583

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN (Tiếp theo)

Tiền thuê đất phản ánh giá trị hợp đồng thuê 3 ha đất tại khu Công nghiệp Đình Vũ - ký hiệu Cn 5.2 để xây dựng Kho ga Đình Vũ, được trả trước cho Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đình Vũ với thời gian thuê là 488 tháng, đến hết ngày 02 tháng 4 năm 2047.

18. VAY NGẮN HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	87.664.565.016	100.089.303.377
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	33.386.003.815	25.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (iii)	178.295.523.621	-
Ngân hàng TMCP Quân đội (iv)	63.913.549.062	-
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (v)	5.511.432.000	5.677.464.322
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (v)	3.832.352.000	3.510.790.412
	372.603.425.514	134.277.558.111

- (i) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ quy đổi theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 00122/2012/0000075 ngày 02 tháng 02 năm 2012. Khoản vay cho mục đích bổ sung vốn lưu động với lãi suất được xác định theo từng lần giải ngân.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa bằng đồng USD theo Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD-NH/PGC ngày 27 tháng 4 năm 2012. Khoản vay cho mục đích bổ sung vốn lưu động với lãi suất được xác định theo từng lần giải ngân
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ quy đổi theo Hợp đồng cấp tín dụng số 120118/HĐCTD.SGD.NHNT ngày 27 tháng 4 năm 2012. Trong đó, khoản vay khoản vay gốc USD đang chịu lãi suất 2,8%/năm.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo Hợp đồng cấp tín dụng số 230811057747.309.HM ngày 27 tháng 4 năm 2012 với mục đích bổ sung vốn lưu động. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ.
- (v) Khoản vay do Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG.

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	8.275.275.871	7.215.547.015
Thuế xuất, nhập khẩu	3.589.320.100	1.413.092.338
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.669.564.036	14.856.093.226
Thuế thu nhập cá nhân	259.295.747	1.225.030.430
	21.793.455.754	24.709.763.009

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.064.610.156	2.574.916.212
Bảo hiểm xã hội, đoàn phí công đoàn	1.130.279.901	227.473.650
Tài sản thừa chờ xử lý	-	836.036.907
Cổ tức phải trả	265.728.000	17.472.798.300
Phải trả Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG (*)	4.400.000.000	4.400.000.000
Phải trả Cục thuế Đà Nẵng (**)	2.242.581.495	-
Phải trả, phải nộp khác	12.986.912.138	7.202.037.185
	22.090.111.690	32.713.262.254

(*) Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG đã ngừng hoạt động kinh doanh và chuyển một phần vốn về Công ty quản lý. Khoản này được trình bày như một khoản phải trả khác.

(**) Khoản phải trả Cục thuế Đà Nẵng về tiền thuê đất, thuê mặt nước Kho gas Thọ Quang.

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Dự phòng quỹ lương (*)	11.299.999.000	-
Dự phòng bảo hành sản phẩm	612.206.298	571.184.331
	11.912.205.298	571.184.331

(*) Trong năm 2012, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng tiền lương theo hướng dẫn tại Thông tư số 123/TT-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

22. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Biến động về khoản tiền ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được trong năm như sau:

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Số dư đầu năm	152.584.531.374	136.373.638.380
Nhận thêm ký cược, ký quỹ	23.958.955.583	32.088.708.654
Kết chuyển vào doanh thu (*)	(18.131.220.544)	(15.877.815.660)
Số dư cuối năm	158.412.266.413	152.584.531.374

(*) Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính. Theo đó, doanh thu phân bổ tiền nhận ký quỹ vỏ bình gas được xác định dựa trên số tiền ký quỹ nhận được nhân (x) với tỷ lệ phân bổ giá trị vỏ bình xuất dùng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Biến động vốn chủ sở hữu:

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2011	264.998.230.000	130.179.226.574	(49.700.000)	205.576.409	99.502.636.970	10.912.420.340	47.701.808.229	553.450.198.522
Tăng vốn bằng cổ phiếu thường	79.468.760.000	(52.983.500.000)	-	-	-	-	-	26.485.260.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	31.255.552.573	31.255.552.573
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	6.136.982.300	2.066.487.062	(15.452.363.036)	(7.248.893.674)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(30.469.908.000)	(30.469.908.000)
Ghi đảo lại lũy kế từ khoản đầu tư vào Công ty CP Taxi Gas Petrolimex Sài Gòn	-	(1.014.956.574)	-	-	-	(117.477.841)	(1.557.377.257)	(2.689.811.672)
Tăng/(Giảm) khác	-	-	-	(205.150.623)	11.213.740	38.639.850	(11.148.383.788)	(11.303.680.821)
Tại ngày 01/01/2012	344.466.990.000	76.180.770.000	(49.700.000)	425.786	105.650.833.010	12.900.069.411	20.329.328.721	559.478.716.928
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	76.071.929.419	76.071.929.419
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	445.207.862	1.019.709.825	(9.304.337.338)	(7.839.419.651)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(20.666.007.600)	(20.666.007.600)
Tăng/(Giảm) khác	-	-	-	(425.786)	-	-	-	(425.786)
Tại ngày 31/12/2012	344.466.990.000	76.180.770.000	(49.700.000)	-	106.096.040.872	13.919.779.236	66.430.913.202	607.044.793.310

b. Chi tiết vốn điều lệ của Công ty như sau:

	Tỷ lệ %	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	52,36%	180.373.765.800	180.373.765.800
Vốn góp của các cổ đông khác	47,64%	164.093.224.200	164.093.224.200
100,00%		344.466.990.000	344.466.990.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**d. Cổ tức**

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 24 tháng 4 năm 2012, Đại hội đã nhất trí thông qua tỷ lệ chia cổ tức năm 2011 là 6% theo vốn góp, theo đó cổ tức năm 2011 phải trả là 20.666.007.600 đồng. Cổ tức được chi trả toàn bộ bằng tiền mặt, số cổ tức chưa trả của năm 2011 hiện đang được theo dõi trên khoản mục "Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác".

e. Số cổ phiếu đang lưu hành

Số lượng cổ phần Công ty đăng ký và đã phát hành ra công chúng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 34.446.699 cổ phần (năm 2011: 34.446.699 cổ phần); trong đó, Công ty đang nắm giữ 3.353 cổ phiếu quỹ tương đương với 3.353 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

24. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng	3.227.095.109.732	2.764.529.217.765
Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.742.912.152	27.055.384.423
Doanh thu ký cược, ký quỹ vô bình gas	18.131.220.544	15.877.815.660
	<u>3.264.969.242.428</u>	<u>2.807.462.417.848</u>

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	2.760.145.536.363	2.339.230.552.157
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	17.793.584.737	22.844.777.311
	<u>2.777.939.121.100</u>	<u>2.362.075.329.468</u>

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên vật liệu	82.319.990.031	85.785.378.507
Chi phí tiền lương, tiền công	139.158.978.452	117.579.991.053
Chi phí công cụ, dụng cụ, bao bì	59.752.078.313	51.737.525.208
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.427.355.472	29.271.317.147
Chi phí dịch vụ mua ngoài	100.867.142.794	85.590.021.459
Chi phí khác	72.434.636.736	65.875.432.701
	<u>484.960.181.798</u>	<u>435.839.666.075</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.185.644.278	1.473.175.662
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.352.022.800	1.838.890.679
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	927.652.959	111.723.612
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	302.363.297	-
Lãi bán hàng trả chậm	626.781.865	1.001.104.205
Doanh thu hoạt động tài chính khác	580.918.141	601.573.686
	14.975.383.340	5.026.467.844

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	16.749.137.397	19.212.845.950
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện (Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn, dài hạn	- (712.339.548)	26.363.533.236 16.224.836.298
Chi phí tài chính khác	1.073.253.747	9.402.328.813
	17.110.051.596	71.203.544.297

29. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thu lãi phạt chậm thanh toán	1.483.424.859	-
Thanh lý tài sản cố định	1.827.881.499	771.759.569
Hàng hóa thừa khi kiểm kê	1.886.254.765	6.368.925.110
Thu nhập khác	3.599.747.591	4.408.296.336
	8.797.308.714	11.548.981.015

30. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thanh lý tài sản cố định	1.192.569.294	771.759.569
Hàng hóa thiếu khi kiểm kê	-	402.999.781
Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	1.095.199.961	11.631.918
Khác	1.365.013.755	1.441.746.890
	3.652.783.010	2.628.138.158

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	99.982.390.236	49.198.465.448
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (*)	22.455.265.693	14.990.327.104
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(845.626.507)	932.500.000

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là tổng cộng thuế phải nộp của các công ty con và số thuế phải nộp tại Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Gas Petrolimex.

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Do trong năm, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ và niêm yết bổ sung cổ phiếu nên số liệu so sánh được trình bày lại cho phù hợp. Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được thực hiện trên các cơ sở số liệu sau:

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	76.071.929.419	31.255.552.573
Số bình quân gia quyền của phổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	34.443.346	31.797.740
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.209	983

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

(Xem chi tiết phụ lục “Bảng tổng hợp giao dịch và số dư với các bên liên quan”) từ trang 31 đến trang 37.

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	372.603.425.514	134.277.558.111
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	100.582.502.701	57.571.991.574
Nợ thuần	272.020.922.813	76.705.566.537
Vốn chủ sở hữu	607.044.793.310	559.478.716.928
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,45	0,14

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	100.582.502.701	57.571.991.574
Đầu tư ngắn hạn	233.501.421.200	6.627.917.800
Phải thu khách hàng (sau dự phòng)	287.810.815.220	286.902.789.142
Các khoản phải thu khác	21.382.184.582	9.368.117.924
Tổng cộng	643.276.923.703	360.470.816.440
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	372.603.425.514	134.277.558.111
Phải trả người bán	253.649.666.054	165.998.317.149
Chi phí phải trả	6.757.116.565	23.872.905.596
Phải trả khác	19.895.221.633	29.074.835.485
Tổng cộng	652.905.429.766	353.223.616.341

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	32.377.697	10.970.694	351.102.068.572	324.718.781.215
Euro (EUR)	6.419.309	6.798.884	-	2.990.090.412

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	2012	2011
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(35.106.327.157)	(32.769.110.205)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	100.582.502.701	-	100.582.502.701
Đầu tư ngắn hạn	233.501.421.200	-	233.501.421.200
Phải thu khách hàng (sau dự phòng)	287.810.815.220	-	287.810.815.220
Các khoản phải thu khác	21.382.184.582	-	21.382.184.582
Tổng cộng	643.276.923.703	-	643.276.923.703

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	372.603.425.514	-	372.603.425.514
Phải trả người bán	253.649.666.054	-	253.649.666.054
Chi phí phải trả	6.757.116.565	-	6.757.116.565
Phải trả ngắn hạn khác	19.895.221.633	-	19.895.221.633
Tổng cộng	652.905.429.766	-	652.905.429.766

Chênh lệch thanh khoản thuần	(9.628.506.063)	-	(9.628.506.063)
-------------------------------------	------------------------	----------	------------------------

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.571.991.574	-	57.571.991.574
Đầu tư ngắn hạn	6.627.917.800	-	6.627.917.800
Phải thu khách hàng (sau dự phòng)	286.902.789.142	-	286.902.789.142
Các khoản phải thu khác	9.368.117.924	-	9.368.117.924
Tổng cộng	360.470.816.440	-	360.470.816.440

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	134.277.558.111	-	134.277.558.111
Phải trả người bán	165.998.317.149	-	165.998.317.149
Chi phí phải trả	23.872.905.596	-	23.872.905.596
Phải trả ngắn hạn khác	29.074.835.485	-	29.074.835.485
Tổng cộng	353.223.616.341	-	353.223.616.341

Chênh lệch thanh khoản thuần	7.247.200.099	-	7.247.200.099
-------------------------------------	----------------------	----------	----------------------

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 05 tháng 02 năm 2013, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, theo đó Công ty chính thức chuyển đổi theo mô hình Tổng Công ty và đổi tên thành Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP.

Ngày 08 tháng 02 năm 2013, Công ty đã chốt danh sách cổ đông để phát hành cổ phiếu tăng vốn:

- Phát hành cổ phiếu ứng cổ tức đợt I/2012: 10%
 - Phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu: 36%
- Tổng số vốn điều lệ sau phát hành tăng vốn là 502.875.030.000 đồng

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán với một số chỉ tiêu được trình bày lại theo Thuyết minh số 05 - Điều chỉnh hồi tố.

Phạm Văn Học
Người lập biểu

Ngày 18 tháng 3 năm 2013

Nguyễn Hữu Quang
Kế toán trưởng



Trần Văn Thanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

BÁO CÁO CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN
Kỳ báo cáo: năm 2012

STT	Hình thức/ Đơn vị đầu tư	Ngày bắt đầu đầu tư	Vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư			Số lượng cổ phiếu phát hành	Số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ vốn góp	Mức độ ảnh hưởng	Tỷ lệ lợi ích
			Vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư		Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)						
			Vốn điều lệ (VND)	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)							
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	
I	Đầu tư vào Công ty con (TK221)		133.024.919.267	121.987.708.826	-	-	121.987.708.826				
	1. Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng		22.000.000.000	22.000.000.000			22.000.000.000	100,0%	100,0%	100,0%	
	2. Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng		20.500.000.000	20.500.000.000			20.500.000.000	100,0%	100,0%	100,0%	
	3. Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn		57.000.000.000	57.000.000.000			57.000.000.000	100,0%	100,0%	100,0%	
	4. Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ		11.000.000.000	11.000.000.000			11.000.000.000	100,0%	100,0%	100,0%	
	5. Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG		22.524.919.267	11.487.708.826			11.487.708.826	51,0%	51,0%	51,0%	
II	Đầu tư Công ty liên kết (TK223)		10.000.000.000	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000				
	1. Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG		10.000.000.000	5.000.000.000			5.000.000.000	50,00%	50,0%	50,0%	
III	Đầu tư dài hạn khác (TK228)		205.000.000.000	1.151.126.257	20.500.000	100.000	2.761.126.257				
	1. Tổng công ty cổ phần Dệt may Hà Nội		205.000.000.000	1.000.000.000	20.500.000	100.000	2.610.000.000	0,5%	0,5%	0,5%	
	2. Đầu tư dài hạn khác			151.126.257			151.126.257				

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEXTầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**BÁO CÁO TIÊU THỤ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**
Kỳ báo cáo: từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

STT	Mã đơn vị	Chi tiêu/Đơn vị mua	Sản phẩm hàng hóa (Dầu sáng, dầu nhớt, gas, bếp, phụ kiện)		
			Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
1	11001000	Công ty Xăng dầu Khu vực I	3.076.180.151	2.717.322.837	358.857.314
2	11006000	Công ty Xăng dầu Hà Bắc	4.792.080.904	4.009.982.752	782.098.152
3	11006020	Chi nhánh Xăng dầu Lạng Sơn	26.446.471.274	22.130.238.572	4.316.232.702
4	11007000	Công ty Xăng dầu Bắc Thái	13.527.074.764	11.319.369.930	2.207.704.834
5	11007010	Chi nhánh Xăng dầu Bắc Cạn	7.462.620.774	6.244.673.491	1.217.947.283
6	11015010	Chi nhánh Xăng Dầu Hòa Bình	2.049.330.680	1.714.866.849	334.463.831
7	11035000	Công ty Xăng dầu Cao Bằng	7.368.813.110	6.166.175.836	1.202.637.274
8	83000021	Công ty Xăng dầu Yên Bái	934.040.256	781.598.932	152.441.324
9	83000022	Công ty Xăng dầu Phú Thọ	21.733.487.764	18.186.444.015	3.547.043.749
10	83000023	Chi nhánh Xăng dầu Vĩnh Phúc	9.962.727.192	8.828.749.924	1.133.977.268
11	83000024	Chi nhánh Xăng dầu Sơn La	14.742.376.592	12.336.326.753	2.406.049.839
12	83000025	Công ty Xăng dầu Lào Cai	3.153.927.408	2.639.186.349	514.741.059
13	83000026	Chi nhánh Xăng dầu Lai Châu	7.585.394.443	6.347.409.715	1.237.984.728
14	83000027	Công ty Xăng dầu Điện Biên	10.778.941.326	9.019.749.388	1.759.191.938
15	83000028	Công ty Xăng dầu Tuyên Quang	14.508.568.784	12.140.677.870	2.367.890.914
16	83000029	Công ty Xăng dầu Hà Giang	20.194.738.762	16.898.828.659	3.295.910.103
17	11003000	Công ty Xăng dầu khu vực 3	9.968.199.538	8.702.024.091	1.266.175.447
18	11005000	Công ty Xăng dầu B12	11.702.394.955	10.215.939.441	1.486.455.514
19	11028000	Công ty Xăng dầu Thái Bình	24.197.661.138	21.124.038.434	3.073.622.704
20	11010000	Công ty Xăng dầu Thanh Hóa	8.540.772.995	7.455.911.378	1.084.861.617
21	11009000	Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	940.391.480	820.941.563	119.449.917
22	11009400	Công ty Xăng dầu Hà Nam	371.568.820	324.371.599	47.197.221
23	11009200	Công ty Xăng dầu Ninh Bình	534.728.605	466.806.587	67.922.018
24	11011200	Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh	16.120.919.913	14.073.216.824	2.047.703.089
25	11011000	Công ty Xăng dầu Nghệ An	29.093.235.948	25.397.770.092	3.695.465.856
26	11074100	Công ty CPVT TPS Nghệ Tĩnh	7.430.234.876	6.486.435.453	943.799.423
27	11004000	Công ty Xăng dầu Khu vực 5	4.433.737.000	3.698.797.443	734.939.557
28	11004900	Công ty Xăng dầu Quảng Nam	34.125.820.200	29.093.525.704	5.032.294.496
29	11058000	Công ty Xăng dầu Quảng Ngãi	14.006.982.300	12.135.204.868	1.871.777.432
30	11012000	Công ty Xăng dầu Bình Định	4.918.987.050	4.381.800.901	537.186.149
31	11017000	Công ty Xăng dầu Bắc Tây Nguyên	9.397.677.900	8.231.343.913	1.166.333.987
32	11017300	Công ty Xăng dầu Kon Tum	7.264.604.552	6.334.391.937	930.212.615
33	11018000	Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế	50.584.690.310	42.287.024.426	8.297.665.884
34	11042000	Công ty Xăng dầu Quảng Bình	22.998.484.100	19.937.721.476	3.060.762.624
35	11044000	Công ty Xăng dầu Quảng Trị	22.027.712.000	18.915.672.829	3.112.039.171
36	11013000	Công ty Xăng dầu Phú Khánh	14.512.059.550	13.024.203.685	1.487.855.865
37	11029000	Công ty Xăng dầu Nam Tây Nguyên	11.376.348.110	9.806.567.460	1.569.780.650
38	11052000	Công ty Xăng dầu Đồng Nai	1.840.307.120	1.590.451.620	249.855.500
39	11043000	Công ty Xăng dầu Bến Tre	6.525.377.372	5.820.128.500	705.248.872
40	11030000	Công ty Xăng dầu Lâm Đồng	26.894.072.810	22.904.956.260	3.989.116.550
41	11031000	Công ty Xăng dầu Long An	10.478.080.890	9.432.886.280	1.045.194.610
41	11047000	Công ty Xăng dầu Tây Ninh	1.300.745.540	1.112.509.660	188.235.880
42	11041000	Công ty Xăng dầu Tiền Giang	12.117.883.576	10.816.112.060	1.301.771.516
43	11002100	Xí nghiệp Bán lẻ Xăng dầu	3.587.254.222	3.058.346.000	528.908.222
44	11025000	Công ty Xăng dầu Đồng Tháp	4.746.151.994	4.463.786.807	282.365.187
45	11032000	Công ty Xăng dầu Cà Mau	2.703.418.037	1.989.509.844	713.908.193
46	11033000	Công ty Xăng dầu Trà Vinh	1.258.343.817	873.471.400	384.872.417
47	11034000	Công ty Xăng dầu Vĩnh Long	1.965.964.623	1.469.927.709	496.036.914
48	11048000	Công ty Xăng dầu An Giang	30.609.093	18.282.240	12.326.853

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEXTầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI THU NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Kỳ báo cáo: năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã đơn vị	Tên chỉ tiêu, đơn vị	Phải thu khách hàng
	Phần 1: Phải thu ngắn hạn	46.381.213.786
11001000	Công ty Xăng dầu Khu vực I	528.552.430
11006000	Công ty Xăng dầu Hà Bắc	1.649.601.214
11006020	Chi nhánh Xăng dầu Lạng Sơn	3.861.014.551
11007000	Công ty Xăng dầu Bắc Thái	1.806.982.296
11007010	Chi nhánh Xăng dầu Bắc Cạn	426.394.983
11015010	Chi nhánh Xăng Dầu Hòa Bình	172.755.310
11015033	Cty CP vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Nội	40.210.000
11015034	Cty CP vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh	3.035.890
11035000	Công ty Xăng dầu Cao Bằng	738.192.539
83000021	Công ty Xăng dầu Yên Bái	(182.805.276)
83000022	Công ty Xăng dầu Phú Thọ	3.639.017.501
83000023	Chi nhánh Xăng dầu Vĩnh Phúc	1.235.148.038
83000024	Chi nhánh Xăng dầu Sơn La	1.722.841.959
83000025	Công ty Xăng dầu Lào cai	996.195.454
83000026	Chi nhánh Xăng dầu Lai Châu	694.104.142
83000027	Công ty Xăng dầu Điện Biên	2.652.836.926
83000028	Công ty Xăng dầu Tuyên Quang	956.325.354
83000029	Công ty Xăng dầu Hà Giang	1.038.117.099
11003000	Công ty Xăng dầu khu vực 3	(133.637.713)
11005000	Công ty Xăng dầu B12	143.428.580
11028000	Công ty Xăng dầu Thái Bình	532.695.474
11010000	Công ty Xăng dầu Thanh Hóa	1.279.906.488
11009000	Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	287.655.592
11011000	Công ty Xăng dầu Nghệ An	607.205.005
11011200	Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh	1.135.263.366
11004000	Công ty Xăng dầu Khu vực 5	261.921.377
11004900	Công ty Xăng dầu Quảng Nam	1.389.953.809
11058000	Công ty Xăng dầu Quảng Ngãi	559.848.038
11012000	Công ty Xăng dầu Bình Định	259.008.392
11017000	Công ty Xăng dầu Bắc Tây Nguyên	1.062.551.253
11017300	Công ty Xăng dầu Kon Tum	520.314.520
11018000	Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế	1.736.582.765
11042000	Công ty Xăng dầu Quảng Bình	1.019.379.781
11044000	Công ty Xăng dầu Quảng Trị	929.686.857
11013000	Công ty Xăng dầu Phú Khánh	650.413.120
11052000	Công ty Xăng dầu Đồng Nai	494.875.340
11030000	Công ty Xăng dầu Lâm Đồng	3.880.380.395
11047000	Công ty Xăng dầu Tây Ninh	309.727.334
11031000	Công ty Xăng dầu Long An	1.301.561.641
11029000	Công ty Xăng dầu Nam Tây Nguyên	829.118.740
11002100	Xí nghiệp Bán lẻ Xăng dầu	636.148.028

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI THU NỘI BỘ TẬP ĐOÀN (TIẾP THEO)**

Kỳ báo cáo: năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã đơn vị	Tên chỉ tiêu, đơn vị	Phải thu khách hàng
11002000	CNV CTXDKV2 mượn vỏ bình	(1.200.000)
11075000	Công ty CP Vận tải và dịch vụ Petrolimex Sài Gòn	63.542.374
11002300	Tổng kho xăng dầu Nhà Bè	4.440.000
11022100	Công ty Cổ phần cơ khí xăng dầu	165.770.550
11041000	Công ty Xăng dầu Tiền Giang	1.834.108.951
11043000	Công ty Xăng dầu Bến Tre	1.293.268.248
11014000	Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ	3.540.000
11025000	Công ty Xăng dầu Đồng Tháp	547.830.000
11032000	Công ty Xăng dầu Cà Mau	372.260.000
11033000	Công ty Xăng dầu Trà Vinh	140.260.000
11034000	Công ty Xăng dầu Vĩnh Long	278.350.000
11048000	Công ty Xăng dầu An Giang	6.535.071

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI TRẢ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Kỳ báo cáo: năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã đơn vị	Tên chỉ tiêu, đơn vị	Nhận ký quỹ ký cược
A	B	5
	Phần 1: Phải trả ngắn hạn	63.380.400.733
11004900	Công ty Xăng dầu Quảng Nam	6.167.610.000
11005200	Công ty Xăng dầu Quảng Ninh	269.800.000
11017300	Công ty Xăng dầu Kon Tum	1.906.400.000
11019200	Công ty TNHH MTV VIPCO Hải Phòng	10.000.000
11063000	Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh	196.820.000
11074000	Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh	206.130.000
11003000	Công ty Xăng dầu khu vực 3	1.360.714.574
11004000	Công ty Xăng dầu Khu vực 5	5.100.260.000
11005000	Công ty Xăng dầu B12	3.304.340.000
11009000	Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	6.315.270.000
11010000	Công ty Xăng dầu Thanh Hóa	1.458.680.000
11011000	Công ty Xăng dầu Nghệ An	5.223.996.159
11012000	Công ty Xăng dầu Bình Định	2.347.530.000
11013000	Công ty Xăng dầu Phú Khánh	2.023.230.000
11017000	Công ty Xăng dầu Bắc Tây Nguyên	2.168.710.000
11018000	Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế	8.732.720.000
11028000	Công ty Xăng dầu Thái Bình	1.921.550.000
11042000	Công ty Xăng dầu Quảng Bình	5.054.160.000
11044000	Công ty Xăng dầu Quảng Trị	5.744.020.000
11058000	Công ty Xăng dầu Quảng Ngãi	3.868.460.000
	Phần 2: Phải trả dài hạn	26.313.020.000
11001000	Công ty Xăng dầu Khu vực I	21.460.000
11001400	Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu	451.480.000
11006020	Chi nhánh Xăng dầu Lạng Sơn	2.187.620.000
11007000	Công ty Xăng dầu Bắc Thái	2.270.300.000
11007010	Chi nhánh Xăng dầu Bắc Cạn	33.040.000
11008100	Công ty Xăng dầu Hà Bắc	1.200.380.000
11014000	Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ	1.801.560.000
11014300	Công ty Xăng dầu Tây Bạc Liêu	7.660.000
11015011	Xí nghiệp Xăng dầu K133	261.280.000
11025000	Công ty Xăng dầu Đồng Tháp	1.709.020.000
11032000	Công ty Xăng dầu Cà Mau	2.201.500.000
11033000	Công ty Xăng dầu Trà Vinh	378.860.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỎ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI TRẢ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN (TIẾP THEO)**

Kỳ báo cáo: năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã đơn vị	Tên chỉ tiêu, đơn vị	Nhận ký quỹ ký cược
11035000	Công ty Xăng dầu Cao Bằng	990.560.000
11072000	Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội	38.860.000
11072100	Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội tại Bắc Ninh	97.540.000
11076000	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây	540.000
11076300	Xí nghiệp Dịch vụ Xăng dầu và Cơ khí	502.480.000
83000022	Công ty Xăng dầu Phú Thọ	595.540.000
83000023	Chi nhánh Xăng dầu Vĩnh Phúc	318.900.000
83000024	Chi nhánh Xăng dầu Sơn La	605.440.000
83000026	Chi nhánh Xăng dầu Lai Châu	382.380.000
83000027	Công ty Xăng dầu Điện Biên	2.850.620.000
83000028	Công ty Xăng dầu Tuyên Quang	368.460.000
83000029	Công ty Xăng dầu Hà Giang	2.803.580.000
11022000	Công ty Thiết bị Xăng dầu Petrolimex	33.740.000
11026000	Công ty Xăng dầu Tây Bắc	3.620.000
11027000	Công ty Xăng dầu Yên Bái	245.360.000
11045000	Công ty Xăng dầu Lào Cai	878.260.000
11048000	Công ty Xăng dầu An Giang	2.308.900.000
	Tổng cộng	89.693.420.733

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

BÁO CÁO CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
Kỳ báo cáo: năm 2012

Đơn vị: VND

Mã đơn vị	Tên chỉ tiêu, đơn vị	Gốc vay			Phân loại thời hạn trả nợ
		1/1/2012	Nhận tiền vay	Trả nợ gốc	Trong vòng 1 năm
1	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	5.677.464.322	27.469.085.986	27.635.118.308	5.511.432.000
					5.511.432.000

Hoàng

Phạm Văn Học
Người lập biểu

Ngày 18 tháng 3 năm 2013

Quang

Nguyễn Hữu Quang
Kế toán trưởng

